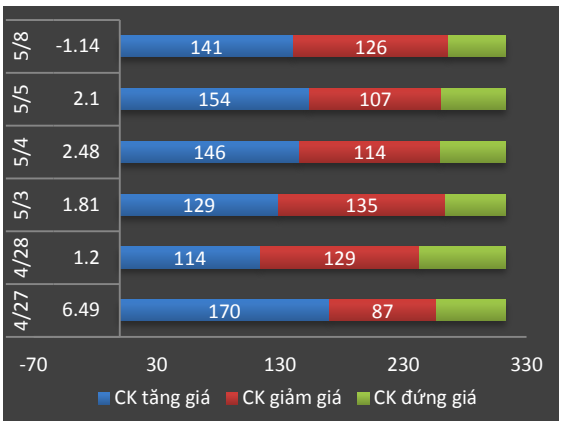
08/05/2017

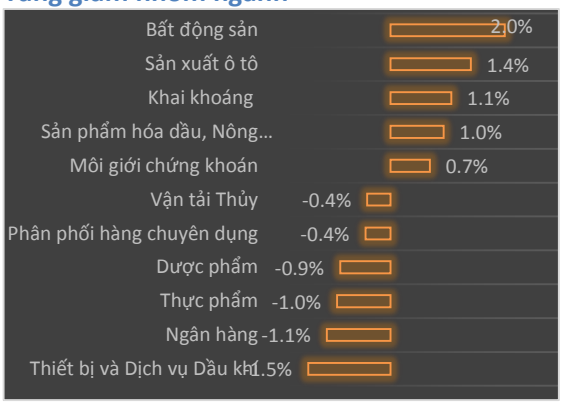
TỔNG QUAN

Index	VNX-All	VN-Index	VN30-Index	HNX-Index
	1052.1	718.86	681.11	89.13
	-1.29 (-0.12%)	-1.14 (-0.16%)	-3.06 (-0.45%)	-0.58 (-0.65%)

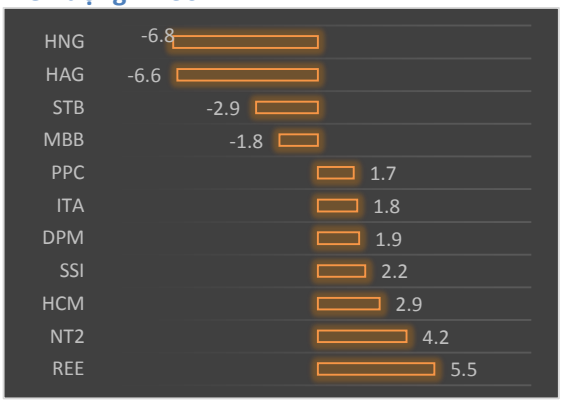
Độ rộng HOSE



Tăng giảm nhóm ngành



Biến động VN30



Thị trường nhóm xanh đầu phiên nhưng sau đó chuyển sang đỏ trong suốt phiên giao dịch. Những cổ phiếu lớn VNM, SAB, ROS, MWG, MSN, DHG và nhóm tài chính ngân hàng đều mất điểm là nguyên nhân kéo chỉ số index cho dù số cổ phiếu tăng điểm phủ xanh nhiều hơn.

Bù lại nhóm cổ phiếu bất động sản tiếp tục nổi sóng với KDH, SCR, QCG đều tăng trần. DXG, TDH, CII, LCG xanh nhẹ và vẫn giữ nhịp thanh khoản khá cao so với các mã khác.

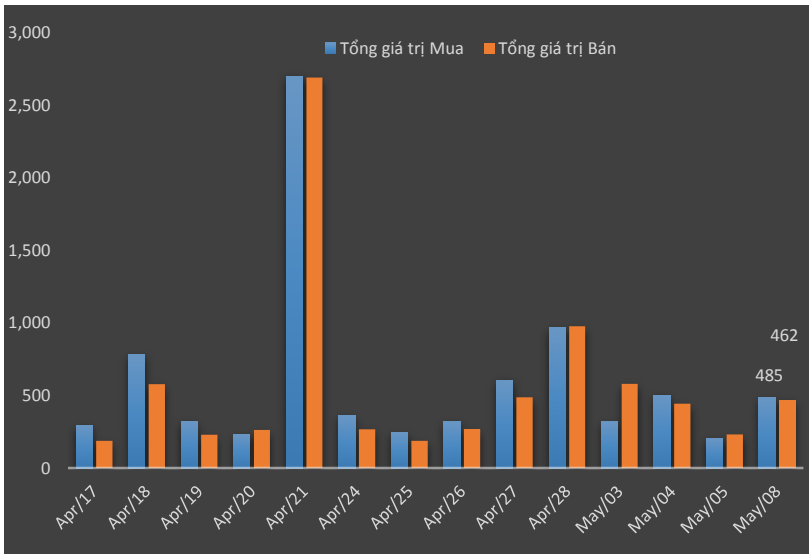
Hôm nay bộ đôi cổ phiếu HAG, HNG vào diện cảnh báo và thông tin này làm giá hai cổ phiếu rớt sàn. HAG sau đó hạ nhiệt về 8.5 trong khi HNG vẫn dư bán sàn gần 700k CP. Hiện chưa có báo cáo Q1 nên giá cổ phiếu có thể còn biến động mạnh khi kết quả công bố. Đang là sóng bất động sản nhưng cổ phiếu FLC lại loanh quanh vùng giá 7.5 trong cả tuần nay dù thanh khoản cổ phiếu này luôn ở mức cao nhất.

BHS dao động mạnh quanh giá 18, SBT giảm ngược lại còn 25.5. Bà Ức My vừa công bố mua 3 triệu SBT giao dịch từ 11.5 đến 9.6. Giá của SBT giảm nhẹ không có sự biến động tích cực gì lắm với tin này. Khả năng M&A của hai cổ phiếu vẫn là 1:1 vì vậy giá của BHS ngắn hạn vẫn sẽ phải đuổi kịp gần với SBT hơn.

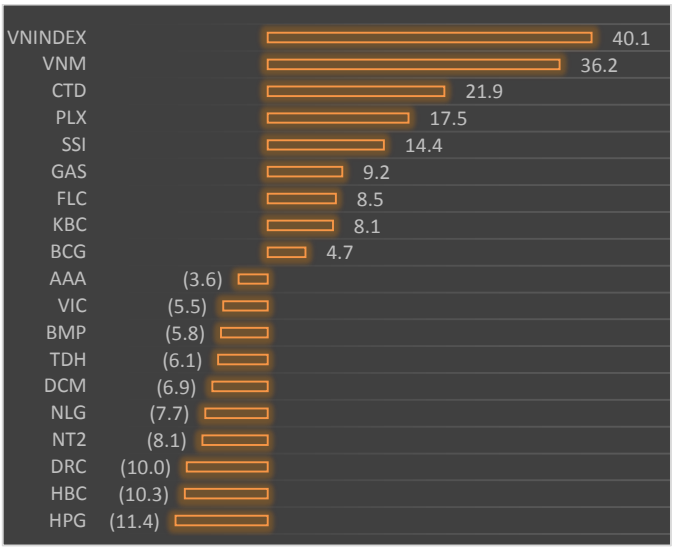
Chỉ số Vnindex mất mốc 720 và rơi nhẹ về 718. Độ rộng thị trường hôm nay thu hẹo lại một chút nhưng số mã xanh vẫn nhiều hơn mã giảm. Thị đang hướng vào nhóm cổ phiếu mid cap trong khi nhóm blue chip vẫn bị dìm giá nhẹ giữ chỉ số. Đó là lý do chỉ số index không co dãn quá mạnh mà chỉ dao động nhẹ. Thị trường khó có sự bức phá trong ngắn hạn khi các tin hỗ trợ đang ít dần và chuyển sang giai đoạn tích lũy. Nhà đầu tư nên tránh các trạng thái mua đuổi và chỉ lướt sóng trên cổ phiếu có sẵn. Các cổ phiếu có hoạt động tăng trưởng năm nay và có tin nội bộ vẫn có thể nắm giữ như CII, LCG, CTD, MWG, DCM, PNJ, VCB, GMD, DXG, HPG.

Giao dịch khối ngoại

Tổng giá trị giao dịch hàng ngày



Top Giá trị CP mua bán ròng trong ngày (tỷ VND)



Khối ngoại mua vào 9.8 triệu và bán ra 10.7 triệu cổ phiếu. Khối lượng bán ròng nhẹ gần 1 triệu cp nhưng mua ròng về giá trị 23 tỷ đồng. VNM được mua ròng nhiều nhất 36.2 tỷ, CTD 21.9 tỷ, PLX 17.5 tỷ, SSI 14.4 tỷ, GAS 9.2 tỷ. Phía bán ròng ghi nhận HPG bán ròng 11.4 tỷ, HBC, DRC 10 tỷ mỗi mã, DRC, NT2, NLG, DCM, TDH cũng bị bán ròng từ 5 đến 8 tỷ đồng mỗi mã.

Tin thị trường

Ngân hàng tìm lại thời hoàng kim

Về cơ bản, mùa đại hội đồng cổ đông thường niên các ngân hàng thương mại Việt Nam đã khép lại. Cùng lúc, báo cáo kết quả kinh doanh quý 1/2017 đang hé mở một năm khác biệt.

Cho đến nay, 2011 là năm dấu ấn của khởi đầu quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đây cũng là năm những bất ổn nội tại chính thức bộc lộ. Và đây cũng là năm hoàng kim lợi nhuận của hầu hết các ngân hàng trong lịch sử, tính đến cuối 2016.

Sau 2011, kéo dài cho đến 2015 và vẫn còn phổ biến trong 2016, sự đứt gãy của lợi nhuận kéo dài cho đến những nỗ lực phục hồi.

Một thời lãi "ảo"

Như trên, 2011 vừa là năm đỉnh cao lợi nhuận nhưng cũng chính là năm rủi ro lớn chính thức bộc lộ. Dữ liệu thống kê cho thấy lợi nhuận nhiều nhà băng đều đạt đỉnh vào năm này, song mức độ nợ xấu hai con số cũng chính thức được "phơi" ra.

Ngay trước 2011, hệ thống ngân hàng Việt Nam và công chúng quen với con số nợ xấu công bố chỉ trên dưới 3%, mức cao từng ghi nhận chỉ 3,4%. Khi đó, một số hãng xếp hạng tín nhiệm quốc tế quả quyết nợ xấu thực tế cỡ hai con số.

Tại một cuộc họp báo chuyên đề về nợ xấu khi đó, một lãnh đạo chuyên trách của Ngân hàng Nhà nước cho biết, chính họ cũng không rõ các hãng xếp hạng tín nhiệm quốc tế tính toán thế nào mà lại ra được mức độ đó. Hỏi ra, cách tính rất đơn giản: lấy nợ xấu các ngân hàng báo cáo, cộng thêm nợ nhóm 2 (nợ quá hạn nhưng chưa phải nợ xấu) thì thành ra kết quả.

Không truy xét chuyện kỹ thuật của thông tin chia sẻ bên lề cùng "cách tính đơn giản" nói trên, nhưng không lâu sau, Ngân hàng Nhà nước lần đầu tiên công bố và xác nhận nợ xấu của hệ thống ở mức độ hai con số. Diễn tiến tiếp theo là cách nhìn nhận nợ xấu do các tổ chức tín dụng báo cáo, rồi qua mức độ giám sát từ xa của Ngân hàng Nhà nước.

Dù thế nào thì ngay chính năm đỉnh cao lợi nhuận 2011, nợ xấu thực tế đã "ngầm" rất lớn. Để rồi thống kê và công bố một cách thẳng thắn tại 9/2012 lên tới 17,21%.

Nhắc lại mức độ nợ xấu trên để thấy lợi nhuận ngân hàng đã từng một thời hoàng kim nhưng "ảo". Vì nợ xấu không được nhận diện sát thực, dẫn tới mức độ trích lập dự phòng rủi ro không tương xứng và dẫn tới lợi nhuận cao mà không vững.

Từ 2012, với diễn tiến nhận diện trên, Ngân hàng Nhà nước từng bước thiết lập khung khổ pháp lý

mới quy định phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro chặt chẽ hơn, thậm chí có phần khắc nghiệt (với nhiều lần trì hoãn cơ chế). Lợi nhuận ngân hàng theo đó dần "chất" hơn cho đến nay.

Hứa hẹn một năm ấn tượng

Qua mùa đại hội đồng cổ đông, cùng báo cáo kết quả kinh doanh quý 1 đang cập nhật, 2017 hứa hẹn một năm ấn tượng tại nhiều ngân hàng thương mại.

Điểm đầu tiên vẫn phải nhắc đến Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank). Ngân hàng này có lợi nhuận trước thuế hợp nhất quý 1/2017 đạt tới trên 1.900 tỷ đồng. Đây là lần đầu tiên lợi nhuận của một ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân phả hơi nóng sát gáy khối "big 4" (gồm Vietcombank, VietinBank, BIDV và Agribank).

Điểm nhấn đó được chú ý, vì VPBank khá điển hình cho quy mô của một ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân, tổng tài sản chỉ gần 230 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, thử nhìn sang BIDV, thành viên thường nhấn mạnh về quy mô tổng tài sản dẫn đầu hệ thống thời gian gần đây, trên 1 triệu tỷ đồng, thì mức độ lợi nhuận tạo được có khả năng bị VPBank áp sát. Bởi vì, tổng tài sản rất lớn nhưng chất lượng tài sản và mức độ sinh lời của BIDV vẫn chưa thể được cải thiện.

Cũng trong so sánh trên, thuộc nhóm "big 4", Vietcombank có quy mô tổng tài sản thấp hơn rất nhiều BIDV, nhưng dự kiến năm nay lợi nhuận Vietcombank tiếp tục tạo kỷ lục với 9.200 tỷ, khả năng đạt 9.500 tỷ như lãnh đạo ngân hàng này dự tính.

Ở khối ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân, qua kết quả quý 1 và kế hoạch xác định tại mùa đại hội đồng cổ đông vừa qua, sự bứt phá và trở lại thời hoàng kim đã thể hiện ở một loạt thành viên như Techcombank, MB, LienVietPostBank, HDBank…

Ở một số trường hợp còn khó khăn nhất định sau sáp nhập như SHB, quý 1 kết quả lợi nhuận vẫn thấp, nhưng với những khoản thu dự kiến đã ký, đã tính, đặc biệt là với đối tác nước ngoài, tín dụng tăng mạnh ngay quý đầu năm, cùng kế hoạch sớm đưa công ty tài chính tiêu dùng nhập cuộc, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận tới 50% so với năm ngoái đã được xác định.

Ngay cả tại Sacombank, khó khăn đang chồng chất sau sáp nhập Southern Bank, nhưng sự bứt phá so với 2016 là có triển vọng. Điểm được chú ý ở đây là cơ chế hỗ trợ tái cơ cấu sẽ giúp Sacombank giảm thiểu áp lực chi phí và sức nặng nợ xấu để tiếp tục phát huy thế mạnh vốn có của ngân hàng từng có vị thế hàng đầu trong khối tư nhân này.

Bên cạnh những kế hoạch đã định hình, những kết quả bước đầu công bố, hệ thống ngân hàng còn có triển vọng mới ở cơ chế chính sách.

Tại kỳ họp Quốc hội sắp tới, nếu nghị quyết hỗ trợ xử lý nợ xấu và tái cơ cấu ngân hàng được thông

qua, đòn bẩy lợi nhuận sẽ thêm đà từ đầu quý 3/2017. Còn kỹ thuật giãn áp lực chi phí và giãn thoái lãi dự thu dự kiến trong dự thảo nghị quyết gắn với quan điểm chuẩn mực hoạt động ngân hàng lại là chuyện khác.

Tựu chung, như trên, với khung khổ các chuẩn mực cao hơn trong phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, sự trở lại thời hoàng kim lợi nhuận của các ngân hàng năm nay đã khác, bớt "ảo" hơn so với trước.

Đồng thuận với kết quả và xu hướng trên, ngày 3/5 vừa qua, hãng định mức tín nhiệm quốc tế Moody's đã đồng loạt nâng hạng tín nhiệm cho 8 ngân hàng Việt Nam.

Đó không chỉ là ghi nhận, là tín nhiệm, mà còn là tiền. Vì với hạng mức mới, tốt hơn, các ngân hàng đó sẽ có cơ hội để các đối tác nước ngoài nâng hạn mức tài trợ, thanh toán…, cũng như nếu đi vay vốn quốc tế đã có thêm một cơ sở để có thể được chi phí dễ chịu hơn những năm gần đây.

Doanh thu tăng 32%, Petrolimex báo lãi quý I gần 1.350 tỷ đồng

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Petrolimex (HOSE: PLX) vừa công bố BCTC hợp nhất quý 1/2017 với khoản lãi thuần từ hoạt động kinh doanh 1.336 tỷ đồng, tăng trưởng gần 15% so với cùng kỳ năm trước.

Cụ thể, tăng mạnh nhất là doanh thu bán hàng với tốc độ tăng trưởng 32%, đạt 35.800 tỷ đồng, doanh thu thuần tăng 30%. Theo đó, lợi nhuận gộp ghi nhận 3.182,5 tỷ đồng, tăng trưởng 8% so với cùng kỳ năm trước.

Đáng chú ý, hoạt động tài chính trong kỳ khởi sắc với doanh thu tăng 41% từ 180,4 tỷ lên 253,7 tỷ đồng nhờ lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và thu tài chính khác đồng thời cải thiện mạnh; trong khi chi phí tài chính chỉ tăng 25,3% từ 185,7 tỷ lên 232,7 tỷ đồng. Hoạt động liên doanh liên kết cũng ghi nhận mức tăng gần 12% đạt 172 tỷ đồng.

Sau khi trừ đi các chi phí, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 1.336 tỷ đồng, tăng trưởng gần 15% so với cùng kỳ năm trước cho thấy các hoạt động kinh doanh chính của Petrolimex đều đang tăng trưởng tốt so với năm 2016. Đặc biệt nếu 2016, lợi nhuận khác là yếu tố đóng góp đáng kể vào hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn với mức 204 tỷ đồng thì quý I/2017, lợi nhuận khác của Tập đoàn ở mức 13,7 tỷ. Tăng trưởng của hoạt động kinh doanh chính là nhân tố quyết định cho kết quả kinh doanh quý I và dự kiến cả năm 2017 toàn tập đoàn.

Tổng kết lại, Petrolimex ghi nhận lãi trước thuế hợp nhất quý 1 đạt gần 1.350 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.106 tỷ đồng xấp xỉ cùng kỳ năm trước và phần lợi nhuận ròng của cổ đông công ty mẹ là 988,7 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Quý I/2017	Quý I/2016	% Tăng/giảm
Doanh thu thuần	35,801.2	27,540.8	30.0%
Giá vốn hàng bán	32,618.7	24,588.4	32.7%
Lợi nhuận gộp	3,182.5	2,952.4	7.8%
Doanh thu HĐTC	253.7	180.4	40.6%
Chi phí tài chính	232.7	185.7	25.3%
Chi phí bán hàng	1,800.3	1,702.7	5.7%
Chi phí QLDN	239.1	232.5	2.8%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	1,336.1	1,166.8	14.5%
Lợi nhuận khác	13.7	204.4	-93.3%
Lợi nhuận trước thuế	1,349.8	1,371.2	-1.6%
Lợi nhuận sau thuế	1,106.1	1,134.3	-2.5%
LNST CĐ công ty mẹ	988.7	1,029.2	-3.9%

So với kế hoạch năm, Tập đoàn đã thực hiện được 25% kế hoạch doanh thu và 29% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Chia sẻ với báo giới trước đó, ông Bùi Ngọc Bảo, Chủ tịch HĐQT Petrolimex cho biết quý 1 do có Tết dài và tình hình kinh tế chưa thực sự hồi phục do đó sản lượng kinh doanh nội địa trong quý 1 của Tập đoàn đạt 23% so với kế hoạch năm. Quý 1 là quý thường chỉ đạt sản lượng thấp nhất trong năm.

Lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính công ty mẹ của Tập đoàn đạt 390,8 tỷ đồng, tăng 30,6 tỷ so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân được Tập đoàn cho biết là trong kỳ được nhận cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết tăng. Mặt khác, sau phát hành tăng vốn vào nửa cuối năm 2016, Tập đoàn đã sử dụng hợp lý nguồn thặng dư vốn, gia tăng hiệu quả dòng tiền đầu tư ngắn hạn đồng thời tiết giảm được chi phí vay vốn so với cùng kỳ năm trước.

Tại thời điểm 31/3/2017, Petrolimex có 4.136 tỷ đồng tiền và tương đương tiền, ngoài ra tập đoàn còn có hơn 2.750 tỷ đồng tiền gửi ngân hàng, tăng nhẹ so với đầu năm.

Cổ phiếu PLX của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (HOSE: PLX) đã chính thức niêm yết tại Sở GDCK Tp.HCM và luôn là một trong các cổ phiếu có thanh khoản lớn trên thị trường. Cổ phiếu PLX được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm và liên tục mua ròng kể từ khi chào sàn. Petrolimex hiện là một trong 6 cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn nhất sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, tính đến 6/5 đạt hơn 60.900 tỷ đồng. Tập đoàn đặt mục tiêu sẽ cố gắng đáp ứng đủ điều kiện để có thể đưa cổ phiếu PLX vào nhóm VN30 trong tháng 7/2017.

Hiện thị trường đang chờ đợi đợt trả cổ tức khủng của Petrolimex với tỷ lệ 32,24% bằng tiền mặt.

Source: Vneconomy, dautuchungkhoan, ndh

Tổng hợp kết quả kinh doanh Q1.2017

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
AAA	HOSE	25,000	1,424.12	423,553	728,735	28,358	66,895	72.1%	135.9%	2,767	9.03
AAM	HOSE	9,630	95.68	69,851	51,190	505	487	-26.7%	-3.6%	158	60.96
ABI	UPCOM	24,500	902.62	0	0	21,909	46,128	na	110.5%	2,925	8.38
ABT	HOSE	41,900	481.74	100,426	99,551	10,836	10,293	-0.9%	-5.0%	4,146	10.11
ACB	HNX	22,700	22,379.96	0	0	310,276	478,166	na	54.1%	1,182	19.20
ACL	HOSE	8,200	186.96	270,210	282,433	744	2,168	4.5%	191.4%	1,137	7.21
ACM	HNX	1,700	86.70	46,787	8,006	4,045	85	-82.9%	-97.9%	170	10.01
ADC	HNX	15,500	47.43	36,123	44,685	1,051	1,131	23.7%	7.6%	2,632	5.89
ADP	UPCOM	37,000	568.32	164,024	138,005	23,859	16,852	-15.9%	-29.4%	5,461	6.78
AGF	HOSE	9,890	278.01	1,142,219	492,710	-8,628	3,367	-56.9%	139.0%	162	60.96
AGM	HOSE	9,800	178.36	495,798	606,767	5,056	3,209	22.4%	-36.5%	353	27.78
AGR	HOSE	3,640	768.73	18,028	54,572	-111,512	52,001	202.7%	146.6%	-1,965	-1.85
ALT	HNX	16,000	91.79	28,052	33,425	528	740	19.2%	40.2%	1,010	15.85
ALV	HNX	3,300	9.93	11,324	20,647	782	1,267	82.3%	62.0%	883	3.74
AMC	HNX	30,800	87.78	37,846	35,688	3,340	3,005	-5.7%	-10.0%	4,437	6.94
AMD	HOSE	13,150	853.15	301,403	291,628	12,117	7,230	-3.2%	-40.3%	828	15.88
AME	HNX	4,200	50.40	71,156	201,945	149	565	183.8%	279.2%	185	22.70
AMV	HNX	15,000	31.74	2,348	4,217	35	565	79.6%	1514.3%	383	39.11
ANV	HOSE	7,490	491.38	576,332	697,998	5,494	24,889	21.1%	353.0%	296	25.27
APC	HOSE	23,300	275.03	23,424	28,155	6,324	10,653	20.2%	68.5%	3,503	6.65
APG	HOSE	5,470	74.00	1,640	1,305	14	-204	-20.4%		1,895	2.89
API	HNX	25,300	895.62	23,069	80,261	606	28,870	247.9%	4664.0%	-104	-243.05
APP	HNX	8,100	34.03	24,566	20,478	1,726	1,067	-16.6%	-38.2%	1,336	6.06
APS	HNX	2,500	97.50	8,205	8,018	-3,582	1,850	-2.3%	151.6%	69	36.04
ARM	HNX	31,000	80.37	38,802	58,782	2,604	2,084	51.5%	-20.0%	2,901	10.69
ASA	HNX	2,000	20.00	59,662	24,277	737	46	-59.3%	-93.8%	180	11.09
ASM	HOSE	15,300	3,365.08	187,969	318,046	26,846	15,192	69.2%	-43.4%	787	19.44
ASP	HOSE	4,330	161.68	343,388	452,683	-8,257	6,297	31.8%	176.3%	504	8.59
ATG	HOSE	2,560	38.96	2,745	7,259	1,675	93	164.4%	-94.4%	24	107.29
ATS	HNX	13,800	48.30	9,255	16,164	341	344	74.7%	0.9%	559	24.71
B82	HNX	2,900	14.50	108,649	6,029	145	6	-94.5%	-95.9%	139	20.82
BBC	HOSE	117,000	1,804.23	245,748	233,721	17,730	17,860	-4.9%	0.7%	5,154	22.70
VLB	UPCOM	52,000	2,337.68	260,435	250,524	30,725	41,108	-3.8%	33.8%	3,410	15.25
BBS	HNX	13,200	79.20	87,377	84,254	3,222	2,150	-3.6%	-33.3%	1,864	7.08
BCC	HNX	15,200	1,672.15	1,076,321	929,600	21,927	11,513	-13.6%	-47.5%	2,333	6.51
BCE	HOSE	6,440	193.20	112,137	21,476	4,877	43	-80.8%	-99.1%	515	12.51
BCI	HOSE	24,700	2,141.99	43,360	19,651	9,266	18,497	-54.7%	99.6%	354	69.71
BDB	HNX	10,000	11.26	2,038	2,596	-134	-91	27.4%		992	10.08
BFC	HOSE	36,000	2,058.05	992,457	1,172,633	34,102	57,011	18.2%	67.2%	4,848	7.43
BED	HNX	40,000	120.00	8,720	8,517	607	800	-2.3%	31.8%	2,051	19.51
BHS	HOSE	13,100	3,902.17	1,175,605	1,363,828	64,400	58,260	16.0%	-9.5%	1,580	8.29
BHT	HNX	2,900	13.34	3,921	0	125	-1,230	-100.0%		-5,987	-0.48
BIC	HOSE	38,950	4,567.94	0	0	38,912	44,297	na	13.8%	1,083	35.96
BID	HOSE	16,300	55,725.06	0	0	1,659,280	1,823,679	na	9.9%	1,795	9.08
BKC	HNX	6,000	70.43	24,635	52,702	166	3,715	113.9%	2138.0%	379	15.81
BLF	HNX	3,800	39.90	123,665	117,439	541	2,044	-5.0%	277.8%	567	6.71
MH3	UPCOM	21,000	251.76	5,840	7,451	6,160	7,861	27.6%	27.6%	1,864	11.26
BMC	HOSE	20,400	252.81	16,907	65,962	518	2,366	290.1%	356.8%	745	27.37
BMI	HOSE	27,950	2,553.35	0	0	35,662	41,636	na	16.8%	1,997	14.00
BMP	HOSE	194,600	8,850.11	704,408	758,473	198,312	100,139	7.7%	-49.5%	13,796	14.11
BPC	HNX	17,200	65.36	79,781	85,552	3,732	3,620	7.2%	-3.0%	4,230	4.07
BSC	HNX	14,900	46.95	6,784	5,127	284	63	-24.4%	-77.8%	522	28.53

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
BSP	UPCOM	25,100	312.88	99,696	121,709	3,521	13,443	22.1%	281.8%	3,033	8.25
BSI	HOSE	12,100	1,091.59	93,465	108,702	17,726	22,591	16.3%	27.4%	1,275	9.49
BST	HNX	12,500	13.75	3,316	3,610	112	115	8.9%	2.7%	1,377	9.08
BTP	HOSE	13,350	807.48	389,450	168,655	-18,752	-45,806	-56.7%		1,981	6.74
BTS	HNX	8,500	926.98	736,810	694,271	16,458	16,010	-5.8%	-2.7%	1,207	7.04
BTT	HOSE	43,850	464.80	89,284	94,278	6,656	7,890	5.6%	18.5%	2,904	15.10
BVH	HOSE	58,500	39,807.58	0	0	383,403	371,869	na	-3.0%	1,651	35.44
BVS	HNX	16,800	1,213.27	56,170	83,716	19,626	25,758	49.0%	31.2%	1,409	11.93
BXH	HNX	23,900	71.99	36,995	49,916	1,892	2,440	34.9%	29.0%	2,836	8.43
C32	HOSE	46,100	516.32	82,558	98,401	19,645	15,553	19.2%	-20.8%	8,333	5.53
C47	HOSE	10,750	182.97	312,541	253,942	6,145	3,246	-18.7%	-47.2%	576	18.66
C92	HNX	13,200	70.13	87,188	6,749	496	47	-92.3%	-90.5%	400	32.96
CAN	HNX	23,000	115.00	82,203	104,945	1,032	1,530	27.7%	48.3%	137	167.29
CAP	HNX	32,000	152.32	74,492	68,142	4,713	6,398	-8.5%	35.8%	3,999	8.00
CAV	HOSE	60,200	3,467.52	1,235,939	1,339,992	48,605	72,385	8.4%	48.9%	7,210	8.35
CCI	HOSE	12,600	221.02	70,358	81,750	4,586	5,648	16.2%	23.2%	1,506	8.37
CCL	HOSE	2,740	97.27	14,205	13,869	852	846	-2.4%	-0.7%	146	18.72
CCM	HNX	13,500	62.10	66,503	158,610	1,182	16,265	138.5%	1276.1%	3,154	4.28
CCR	UPCOM	21,000	513.94	24,640	26,645	2,741	495	8.1%	-81.9%	301	69.84
CDC	HOSE	13,900	218.32	91,678	72,250	3,204	8,015	-21.2%	150.2%	1,030	13.50
CDO	HOSE	3,270	103.02	36,294	10,652	11,258	962	-70.7%	-91.5%	945	3.46
STK	HOSE	18,500	990.05	262,280	447,554	2,897	25,035	70.6%	764.2%	534	34.62
CHP	HOSE	22,600	2,847.59	94,763	244,518	8,779	139,123	158.0%	1484.7%	2,046	11.05
CII	HOSE	36,200	8,733.86	224,043	139,988	25,698	1,227,333	-37.5%	4676.0%	2,430	14.90
CJC	HNX	37,000	74.00	17,737	11,617	36	37	-34.5%	2.8%	2,559	14.46
CKV	HNX	13,000	51.60	33,260	29,408	826	426	-11.6%	-48.4%	1,052	12.36
CLC	HOSE	62,000	812.44	420,621	424,003	26,240	29,892	0.8%	13.9%	8,513	7.28
CLL	HOSE	26,100	887.40	75,730	67,561	22,603	19,207	-10.8%	-15.0%	2,390	10.92
CLW	HOSE	18,000	234.00	229,220	233,939	-2,819	-3,236	2.1%		1,091	16.50
CMC	HNX	5,000	22.81	4,548	3,109	64	964	-31.6%	1406.3%	97	51.73
CMG	HOSE	14,500	960.52	970,826	1,070,106	15,984	23,346	10.2%	46.1%	1,736	8.35
CMI	HNX	4,500	72.00	0	2,698	-4,702	-3,853	na		-2,955	-1.52
CMS	HNX	6,000	103.20	65,427	192,539	277	1,579	194.3%	470.0%	110	54.73
CMT	HOSE	13,500	98.33	81,531	52,321	-2,467	-270	-35.8%		995	13.57
CMV	HOSE	20,500	248.13	996,482	1,008,764	7,669	6,946	1.2%	-9.4%	2,189	9.37
CMX	HOSE	3,400	44.95	174,576	144,826	3,814	6,211	-17.0%	62.8%	-3,210	-1.06
CNG	HOSE	33,100	893.69	206,662	291,119	20,771	22,350	40.9%	7.6%	4,455	7.43
COM	HOSE	63,000	889.60	787,051	931,733	11,601	19,998	18.4%	72.4%	7,768	8.11
CPC	HNX	26,200	106.93	29,998	52,077	474	2,878	73.6%	507.2%	2,886	9.08
CSC	HNX	31,000	310.00	28,783	27,190	177	1,080	-5.5%	510.2%	1,601	19.36
CSM	HOSE	19,500	2,020.69	684,748	748,348	61,692	28,871	9.3%	-53.2%	2,518	7.75
CSV	HOSE	31,700	1,401.14	400,452	312,153	45,468	51,995	-22.0%	14.4%	3,855	8.22
CT6	HNX	4,900	29.92	14,564	19,378	-3,969	-3,077	33.1%		254	19.27
CTA	HNX	1,400	13.36	13,940	0	-161	-899	-100.0%		-2,430	-0.58
CTB	HNX	32,800	114.80	72,812	75,606	1,340	2,853	3.8%	112.9%	3,786	8.66
CTD	HOSE	202,500	15,589.13	3,142,215	4,361,300	240,538	300,649	38.8%	25.0%	21,734	9.32
CTG	HOSE	17,300	64,414.90	0	0	1,919,475	2,031,656	na	5.8%	1,828	9.47
CTI	HOSE	27,600	1,186.80	262,082	248,039	27,201	29,674	-5.4%	9.1%	2,851	9.68
CTP	HNX	13,200	132.00	56,896	68,520	2,604	6,473	20.4%	148.6%	1,333	9.90
CTS	HNX	8,100	732.14	43,952	59,624	19,218	38,024	35.7%	97.9%	920	8.80
CTT	HNX	7,100	33.35	218,405	226,820	1,466	1,674	3.9%	14.2%	1,186	5.99
CVN	HNX	2,500	8.13	0	5,625	-85	515	na	705.9%	-76	-32.93
CVT	HNX	48,900	985.82	163,068	189,182	25,061	28,607	16.0%	14.1%	7,804	6.27
CX8	HNX	9,000	15.98	18,200	31,602	82	272	73.6%	231.7%	551	16.34
CYC	HOSE	1,870	16.92	39,355	50,929	733	-1,150	29.4%		-986	-1.90

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
D11	HNX	13,700	89.76	40,551	42,597	145	189	5.0%	30.3%	208	65.82
D2D	HOSE	42,500	452.84	66,369	21,170	17,762	27,745	-68.1%	56.2%	5,198	8.18
DAD	HNX	16,400	76.41	19,497	15,892	414	422	-18.5%	1.9%	2,841	5.77
DAE	HNX	16,400	24.58	6,898	7,512	481	452	8.9%	-6.0%	3,161	5.19
DAG	HOSE	13,100	548.68	294,449	354,203	11,019	13,073	20.3%	18.6%	1,265	10.36
ADS	HOSE	21,800	367.84	262,328	253,724	1,737	13,668	-3.3%	686.9%	2,107	10.35
DBC	HNX	29,400	2,434.86	1,267,178	1,475,696	62,711	13,495	16.5%	-78.5%	5,512	5.33
DBT	HNX	16,400	201.96	129,142	179,781	6,169	5,144	39.2%	-16.6%	2,504	6.55
DC2	HNX	6,000	15.12	41,455	21,136	129	52	-49.0%	-59.7%	1,276	4.70
DC4	HNX	7,500	41.34	78,143	51,229	3,344	1,006	-34.4%	-69.9%	921	8.15
DCL	HOSE	20,300	1,143.56	178,312	154,286	20,375	14,492	-13.5%	-28.9%	1,600	12.69
DCM	HOSE	11,050	5,849.87	930,015	1,210,900	115,439	284,423	30.2%	146.4%	1,171	9.44
DDV	UPCOM	6,000	876.66	113,883	521,791	-37,338	-37,592	358.2%		-3,215	-1.87
DGC	HNX	35,500	1,775.28	598,495	822,265	59,423	35,018	37.4%	-41.1%	4,835	7.34
DGL	HNX	35,500	1,647.18	518,124	752,991	62,339	27,478	45.3%	-55.9%	3,625	9.79
DGW	HOSE	15,200	601.92	811,100	761,492	20,674	8,586	-6.1%	-58.5%	1,685	9.02
DHA	HOSE	29,900	450.33	40,054	56,322	8,496	13,426	40.6%	58.0%	3,286	9.10
DHC	HOSE	32,900	841.73	140,139	160,183	18,343	13,565	14.3%	-26.0%	3,508	9.38
DHG	HOSE	134,000	11,680.02	815,413	882,367	151,497	173,089	8.2%	14.3%	8,161	16.42
DHM	HOSE	6,760	169.97	128,404	328,809	2,106	2,496	156.1%	18.5%	507	13.33
DHP	HNX	9,800	93.02	74,004	67,135	3,450	3,085	-9.3%	-10.6%	1,378	7.11
DHT	HNX	92,900	581.78	272,712	330,234	8,218	13,261	21.1%	61.4%	8,591	10.81
DIC	HOSE	6,450	168.25	506,525	331,346	1,282	522	-34.6%	-59.3%	452	14.28
DID	HNX	5,500	44.00	48,368	53,084	612	649	9.8%	6.0%	537	10.24
DIG	HOSE	9,010	2,146.14	289,554	248,915	9,646	-16,258	-14.0%		252	35.72
DIH	HNX	10,500	30.61	55,903	21,917	171	226	-60.8%	32.2%	1,147	9.16
DL1	HNX	11,200	189.20	5,464	16,661	2,152	1,755	204.9%	-18.4%	827	13.55
DLG	HOSE	3,380	963.50	489,926	611,793	11,445	36,961	24.9%	222.9%	283	11.95
DLR	HNX	8,400	37.80	9,624	14,436	-2,500	-954	50.0%		-3,904	-2.15
DMC	HOSE	90,700	3,149.78	279,602	278,745	35,202	47,991	-0.3%	36.3%	4,856	18.68
DNC	HNX	33,000	83.48	42,055	42,860	1,312	1,454	1.9%	10.8%	3,727	8.85
DNM	HNX	24,000	105.06	34,354	51,299	3,263	4,616	49.3%	41.5%	3,377	7.11
DNP	HNX	26,900	807.15	285,352	305,997	20,177	3,921	7.2%	-80.6%	4,013	6.70
CDN	HNX	22,000	1,452.00	154,059	146,678	22,658	33,626	-4.8%	48.4%	1,933	11.38
DNS	UPCOM	7,600	164.16	256,290	367,856	1,845	10,028	43.5%	443.5%	2,549	2.98
DNY	HNX	7,300	197.10	363,692	455,891	1,658	9,636	25.4%	481.2%	679	10.75
DPC	HNX	18,300	40.94	14,645	12,116	372	-95	-17.3%		1,299	14.09
DPM	HOSE	24,700	9,665.96	1,991,641	1,977,902	406,752	223,149	-0.7%	-45.1%	2,928	8.44
DPS	HNX	2,600	79.24	261,650	209,798	9,082	1,895	-19.8%	-79.1%	624	4.16
DQC	HOSE	50,000	1,595.85	244,153	195,382	37,376	29,286	-20.0%	-21.6%	6,379	7.84
DRC	HOSE	30,000	3,563.78	745,933	900,264	88,339	70,619	20.7%	-20.1%	3,327	9.02
DRH	HOSE	28,500	1,396.50	30,339	14,449	3,127	13,275	-52.4%	324.5%	1,672	17.05
DRL	HOSE	37,700	358.15	8,139	21,323	3,811	15,424	162.0%	304.7%	3,615	10.43
DSN	HOSE	59,700	721.36	47,787	50,025	18,931	19,758	4.7%	4.4%	6,322	9.44
DST	HNX	26,100	840.92	1,761	7,390	148	131	319.6%	-11.5%	36	726.77
DTA	HOSE	2,370	35.55	3,869	1,735	68	60	-55.2%	-11.8%	18	128.21
DTC	UPCOM	8,900	35.72	50,125	71,587	986	6,030	42.8%	511.6%	3,321	2.69
DTT	HOSE	11,000	89.67	29,868	28,022	1,846	879	-6.2%	-52.4%	999	11.02
DVH	UPCOM	10,800	46.98	30,293	35,010	4,077	4,019	15.6%	-1.4%	1,833	5.89
DVP	HOSE	69,000	2,760.00	141,978	159,146	62,762	65,967	12.1%	5.1%	7,170	9.62
DXG	HOSE	21,650	5,473.10	315,086	586,280	29,438	151,588	86.1%	414.9%	3,295	6.57
DXP	HNX	14,900	352.01	40,378	14,862	13,181	3,310	-63.2%	-74.9%	1,670	8.92
DXV	HOSE	4,700	46.53	101,203	71,134	1,454	836	-29.7%	-42.5%	566	8.31
DZM	HNX	11,000	59.36	29,084	59,448	-1,333	-1,520	104.4%		2,971	3.70
EBS	HNX	9,500	94.67	17,390	10,181	-884	-2,412	-41.5%		1,171	8.12

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
ECI	HNX	13,000	22.88	8,015	7,585	306	299	-5.4%	-2.3%	1,588	8.19
EIB	HOSE	11,000	13,523.76	0	0	23,968	136,439	na	469.3%	251	43.78
EID	HNX	14,600	219.00	59,698	68,505	1,209	1,623	14.8%	34.2%	2,434	6.00
ELC	HOSE	23,000	1,091.91	78,174	102,309	4,377	8,096	30.9%	85.0%	2,044	11.25
EMC	HOSE	14,800	169.80	44,895	63,147	157	102	40.7%	-35.0%	132	112.33
EVE	HOSE	20,900	877.38	151,427	150,461	14,160	9,001	-0.6%	-36.4%	2,144	9.75
ROS	HOSE	161,500	69,445.00	620,471	854,583	80,870	90,922	37.7%	12.4%	1,144	141.14
FCM	HOSE	5,130	210.33	149,217	151,584	7,350	5,552	1.6%	-24.5%	973	5.27
FCN	HOSE	18,700	925.64	284,391	295,669	21,385	18,628	4.0%	-12.9%	2,152	8.69
FDT	HNX	35,000	106.91	110,268	108,103	746	263	-2.0%	-64.7%	1,555	22.50
FID	HNX	1,600	37.66	45,123	19,506	1,564	-701	-56.8%		439	3.64
FIT	HOSE	4,520	1,151.38	564,038	393,128	29,431	17,321	-30.3%	-41.1%	472	9.58
FLC	HOSE	7,490	4,778.91	1,437,824	1,587,634	115,939	150,620	10.4%	29.9%	1,811	4.14
FMC	HOSE	18,800	564.00	543,230	531,929	15,247	14,538	-2.1%	-4.7%	3,451	5.45
DP3	HNX	33,000	224.40	68,907	85,762	9,701	11,371	24.5%	17.2%	3,327	9.92
FPT	HOSE	46,000	21,235.47	8,466,518	9,418,120	345,690	412,900	11.2%	19.4%	4,338	10.60
FTS	HOSE	13,500	1,219.64	68,572	64,116	39,290	35,840	-6.5%	-8.8%	1,622	8.32
FOX	UPCOM	90,000	12,334.37	1,542,835	1,750,615	155,767	209,452	13.5%	34.5%	6,698	13.44
GAS	HOSE	55,000	105,234.14	13,984,088	16,257,396	1,314,607	2,176,075	16.3%	65.5%	3,675	14.97
GDT	HOSE	59,000	879.09	63,551	62,850	13,527	32,133	-1.1%	137.5%	6,695	8.81
GIL	HOSE	50,500	701.44	386,584	515,875	33,824	33,424	33.4%	-1.2%	5,828	8.67
GLT	HNX	41,500	337.45	25,765	96,113	899	9,157	273.0%	918.6%	3,132	13.25
GMD	HOSE	32,900	5,903.32	848,339	859,896	68,681	95,833	1.4%	39.5%	2,172	15.15
GSP	HOSE	12,650	379.50	247,691	297,303	15,055	13,390	20.0%	-11.1%	1,548	8.17
GTA	HOSE	12,350	121.40	117,728	139,934	3,106	4,073	18.9%	31.1%	1,479	8.35
GTN	HOSE	15,300	3,825.00	745,682	1,131,703	3,813	18,304	51.8%	380.0%	100	153.29
GTT	UPCOM	500	21.75	41,341	12,456	-63,944	-25,412	-69.9%		-6,864	-0.07
HAD	HNX	37,500	150.00	14,291	15,211	1,171	1,195	6.4%	2.0%	4,278	8.77
HAH	HOSE	39,700	898.14	121,375	129,327	36,059	31,071	6.6%	-13.8%	5,090	7.80
HAP	HOSE	3,500	194.15	104,778	96,931	5,554	1,986	-7.5%	-64.2%	233	15.03
HAR	HOSE	3,380	327.10	3,958	3,673	3,336	-4,243	-7.2%		183	18.43
HAS	HOSE	7,450	58.11	133,194	54,495	6,544	1,567	-59.1%	-76.1%	1,804	4.13
HGW	UPCOM	15,500	0.00	33,016	38,275	2,309	3,259	15.9%	41.1%	505	0.00
HTW	UPCOM	10,000	0.00	23,438	19,423	1,155	-868	-17.1%		-143	0.00
HAX	HOSE	53,300	758.54	446,887	779,442	22,596	27,985	74.4%	23.8%	6,480	8.23
HBC	HOSE	52,600	5,020.48	1,617,789	3,032,378	50,617	180,863	87.4%	257.3%	6,004	8.76
HBE	HNX	7,500	16.73	3,409	4,211	185	286	23.5%	54.6%	785	9.55
HCC	HNX	31,900	140.50	70,694	83,764	5,171	6,818	18.5%	31.9%	5,152	6.19
HCD	HOSE	7,530	101.66	102,067	145,832	5,263	6,026	42.9%	14.5%	1,464	5.14
HCM	HOSE	31,150	4,038.76	166,376	217,712	64,680	94,893	30.9%	46.7%	2,385	13.06
HCT	HNX	18,500	37.30	20,613	21,662	567	386	5.1%	-31.9%	832	22.24
HDA	HNX	10,300	118.45	35,625	36,034	3,046	1,560	1.1%	-48.8%	1,413	7.29
HDC	HOSE	10,800	471.12	125,556	70,733	3,178	12,015	-43.7%	278.1%	1,296	8.33
HDG	HOSE	28,400	2,157.01	107,639	166,322	3,175	4,565	54.5%	43.8%	3,104	9.15
HDO	HNX	1,200	20.18	21,712	8,642	84	1,311	-60.2%	1460.7%	-2,361	-0.51
HEM	UPCOM	13,000	478.40	130,065	122,485	15,717	20,704	-5.8%	31.7%	1,827	7.12
HEV	HNX	12,200	12.20	4,139	4,194	459	441	1.3%	-3.9%	1,822	6.69
HGM	HNX	34,200	407.69	17,145	24,880	632	7,565	45.1%	1097.0%	1,416	24.14
HHC	HNX	45,100	740.77	208,943	221,021	6,832	9,132	5.8%	33.7%	2,415	18.68
HHG	HNX	8,700	250.91	49,237	112,413	5,193	15,102	128.3%	190.8%	1,604	5.42
HHS	HOSE	4,070	1,097.86	493,629	307,080	54,000	10,543	-37.8%	-80.5%	528	7.71
HJS	HNX	16,100	338.10	35,579	35,507	6,042	6,822	-0.2%	12.9%	1,223	13.16
HLC	HNX	12,100	307.52	702,418	645,431	4,717	5,089	-8.1%	7.9%	1,704	7.10
HLG	HOSE	10,400	459.94	624,476	715,886	27,579	21,186	14.6%	-23.2%	3,177	3.27
HLY	HNX	17,800	17.80	14,112	15,753	707	594	11.6%	-16.0%	3,235	5.50

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
HMC	HOSE	10,600	222.60	648,959	639,881	10,623	17,006	-1.4%	60.1%	2,984	3.55
HOM	HNX	6,000	415.37	401,430	305,338	17,898	353	-23.9%	-98.0%	761	7.89
HOT	HOSE	25,100	200.80	45,827	43,231	4,090	2,725	-5.7%	-33.4%	1,327	18.92
HPD	UPCOM	14,000	116.29	6,799	10,281	224	3,379	51.2%	1408.5%	880	15.90
HPG	HOSE	30,950	39,125.32	7,142,387	10,264,754	1,022,062	1,933,895	43.7%	89.2%	5,223	5.93
HPM	HNX	19,200	72.96	645	193	-149	-535	-70.1%		-1,554	-12.36
HQC	HOSE	2,550	1,087.83	409,032	312,348	51,561	20,798	-23.6%	-59.7%	41	61.95
HRC	HOSE	36,800	1,111.60	13,776	17,553	2,929	1,701	27.4%	-41.9%	308	119.36
HSG	HOSE	48,900	9,780.00	4,383,519	6,212,980	418,198	415,022	41.7%	-0.8%	8,918	5.48
HST	HNX	6,400	9.53	1,736	1,688	-37	16	-2.8%	143.2%	532	12.04
HT1	HOSE	22,800	8,699.16	1,743,669	1,896,666	130,697	108,586	8.8%	-16.9%	2,121	10.75
HTC	HNX	31,000	341.00	164,732	693,942	8,380	10,605	321.3%	26.6%	6,827	4.54
HTI	HOSE	19,000	474.03	107,082	82,417	16,133	30,163	-23.0%	87.0%	2,518	7.55
HTL	HOSE	45,950	551.40	374,882	126,451	26,682	1,903	-66.3%	-92.9%	4,433	10.37
HTV	HOSE	15,000	196.56	45,896	42,733	6,187	4,789	-6.9%	-22.6%	1,727	8.69
HU4	UPCOM	5,900	75.60	29,705	37,890	293	215	27.6%	-26.6%	875	5.76
HUT	HNX	13,200	2,327.55	581,172	627,030	84,515	131,583	7.9%	55.7%	2,241	5.89
HVA	HNX	2,400	13.56	5,355	18,129	113	104	238.5%	-8.0%	244	9.82
HVG	HOSE	6,920	1,536.50	5,412,834	2,949,328	1,835	-40,830	-45.5%		-353	-19.62
HVT	HNX	29,800	327.44	132,038	175,808	5,326	11,666	33.1%	119.0%	2,795	10.66
HVX	HOSE	5,200	215.93	184,453	244,358	559	1,397	32.5%	149.9%	436	11.92
ICF	HOSE	2,590	33.17	21,819	41,454	46	-7,061	90.0%		-2,486	-1.04
ICG	HNX	7,300	146.00	831	8,811	-1,458	668	960.3%	145.8%	294	24.85
IDI	HOSE	4,350	790.00	814,269	947,184	14,679	24,384	16.3%	66.1%	626	6.95
IDJ	HNX	2,100	68.46	3,440	5,460	-1,150	-1,143	58.7%		-194	-10.82
IDV	HNX	51,300	590.89	32,874	10,871	23,505	6,667	-66.9%	-71.6%	8,797	5.83
IJC	HOSE	8,400	1,151.62	122,500	156,583	17,358	16,135	27.8%	-7.0%	467	18.00
IMP	HOSE	61,000	2,382.79	192,705	224,325	21,231	25,914	16.4%	22.1%	3,340	18.26
INC	HNX	5,700	11.40	4,288	6,059	79	270	41.3%	241.8%	657	8.68
INN	HNX	63,400	684.72	207,669	216,212	15,469	17,135	4.1%	10.8%	6,600	9.61
ITA	HOSE	3,270	3,068.31	93,243	148,579	17,052	23,392	59.3%	37.2%	43	76.23
ITD	HOSE	26,200	499.46	189,554	161,629	15,784	2,177	-14.7%	-86.2%	4,268	6.14
ITQ	HNX	3,100	73.91	83,934	91,534	126	677	9.1%	437.3%	48	64.17
IVS	HNX	10,200	346.80	5,744	6,918	98	253	20.4%	158.2%	5	1,886.82
KBC	HOSE	15,050	7,069.89	446,300	435,286	94,874	177,102	-2.5%	86.7%	1,430	10.52
KBE	UPCOM	17,200	21.18	10,894	10,029	281	298	-7.9%	6.0%	2,503	6.87
KDC	HOSE	40,000	8,226.45	393,796	1,250,030	27,542	18,949	217.4%	-31.2%	5,714	7.00
KDH	HOSE	25,600	5,990.40	569,089	641,192	93,600	110,104	12.7%	17.6%	1,615	15.85
KDM	HNX	3,500	24.85	16,862	9,239	1,673	1,158	-45.2%	-30.8%	111	31.44
KHA	HOSE	33,950	479.38	15,065	17,360	8,467	9,837	15.2%	16.2%	3,496	9.71
KHB	HNX	1,700	49.43	42,346	0	680	85	-100.0%	-87.5%	35	48.57
KHL	HNX	900	10.80	1,037	313	77	-532	-69.8%		-3,334	-0.27
KHP	HOSE	10,900	436.56	704,949	741,585	1,128	-35,964	5.2%		1,632	6.68
KKC	HNX	15,600	73.20	120,751	95,336	10,481	6,157	-21.0%	-41.3%	8,250	1.89
KMR	HOSE	4,430	251.97	76,076	66,414	3,162	1,054	-12.7%	-66.7%	134	33.02
KMT	HNX	9,000	88.62	500,495	579,225	3,278	2,448	15.7%	-25.3%	529	17.01
KPF	HOSE	7,900	135.56	15,389	12,245	3,285	109	-20.4%	-96.7%	536	14.74
KSA	HOSE	1,700	158.83	69,304	32,349	1,077	1,486	-53.3%	38.0%	65	26.19
KSB	HOSE	43,500	2,035.80	180,137	240,582	33,273	61,036	33.6%	83.4%	4,397	9.89
KSD	HNX	3,100	37.20	17,833	15,908	1,393	1,641	-10.8%	17.8%	421	7.37
KSH	HOSE	2,080	61.27	16,046	3,545	200	-59	-77.9%		19	107.01
KSK	HNX	1,100	26.28	58,866	614	498	107	-99.0%	-78.5%	-201	-5.48
KSQ	HNX	1,500	45.00	6,771	2,672	101	74	-60.5%	-26.7%	110	13.59
KST	HNX	13,000	38.95	14,981	52,487	1,652	3,289	250.4%	99.1%	2,053	6.33
KTS	HNX	49,000	248.43	136,661	186,416	23,877	33,927	36.4%	42.1%	7,868	6.23

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
KTT	HNX	5,700	16.84	14,491	51,466	32	258	255.2%	706.3%	136	41.95
KVC	HNX	2,300	113.85	99,283	137,138	2,714	4,371	38.1%	61.1%	424	5.42
L10	HOSE	15,500	151.75	292,451	439,994	8,883	7,413	50.5%	-16.5%	3,373	4.60
L35	HNX	5,400	17.63	54,152	42,184	716	239	-22.1%	-66.6%	766	7.05
L43	HNX	5,700	19.95	29,098	32,104	25	47	10.3%	88.0%	104	54.71
L44	HNX	1,800	7.16	23,075	17,419	-31,497	23	-24.5%	100.1%	-6,626	-0.27
L61	HNX	8,700	65.91	206,650	174,246	3,258	2,684	-15.7%	-17.6%	1,481	5.88
L62	HNX	7,500	43.06	42,755	55,115	641	388	28.9%	-39.5%	678	11.05
LAF	HOSE	11,500	169.37	160,346	97,314	3,133	7,106	-39.3%	126.8%	1,682	6.84
LAS	HNX	13,600	1,534.85	908,345	1,014,083	30,781	44,172	11.6%	43.5%	1,224	11.11
LAW	UPCOM	14,000	170.80	28,138	29,263	6,806	5,456	4.0%	-19.8%	1,231	11.37
LBE	HNX	15,500	16.99	2,834	4,862	-42	205	71.6%	588.1%	1,884	8.23
LBM	HOSE	36,500	297.75	63,304	78,315	6,650	8,921	23.7%	34.2%	5,407	6.75
LCD	HNX	7,300	10.95	34,480	50,675	910	1,044	47.0%	14.7%	2,137	3.42
LCG	HOSE	8,580	654.22	133,669	223,573	9,830	13,096	67.3%	33.2%	901	9.52
LCM	HOSE	1,010	24.88	60,874	3,213	-8,794	-374	-94.7%		-360	-2.81
LCS	HNX	3,600	27.36	12,611	62,882	125	502	398.6%	301.6%	85	42.30
LDG	HOSE	12,700	1,123.95	148,377	136,942	35,002	55,106	-7.7%	57.4%	1,794	7.08
LDP	HNX	38,000	258.39	122,438	128,252	4,510	4,568	4.7%	1.3%	2,907	13.07
LGC	HOSE	24,200	4,667.09	67,381	105,176	55,543	38,340	56.1%	-31.0%	1,698	14.25
LGL	HOSE	10,400	359.78	18,660	47,517	903	5,880	154.6%	551.2%	567	18.34
LHG	HOSE	21,200	551.42	38,008	46,990	20,337	15,123	23.6%	-25.6%	6,362	3.33
LIG	HNX	5,700	243.58	234,734	134,064	3,812	1,131	-42.9%	-70.3%	292	19.54
LIX	HOSE	48,500	1,571.40	441,450	476,482	37,211	28,148	7.9%	-24.4%	4,855	9.99
LM3	UPCOM	8,100	41.72	21,470	3,948	-17,352	-10,200	-81.6%		-44,528	-0.18
LM7	HNX	3,000	15.00	9,624	22,462	23	24	133.4%	4.3%	135	22.29
LM8	HOSE	24,100	226.27	308,679	498,762	9,685	13,613	61.6%	40.6%	5,606	4.30
LO5	HNX	3,500	18.02	40,381	43,044	37	40	6.6%	8.1%	63	55.71
LSS	HOSE	12,600	882.00	559,648	846,932	27,644	35,614	51.3%	28.8%	2,089	6.03
LUT	HNX	2,900	43.38	55,190	23,482	712	150	-57.5%	-78.9%	66	44.08
MAC	HNX	8,500	122.56	38,295	47,246	3,531	3,989	23.4%	13.0%	1,719	4.94
MAS	HNX	91,000	388.36	66,738	87,326	12,892	18,890	30.8%	46.5%	13,713	6.64
MBB	HOSE	15,000	25,691.11	0	0	705,157	889,659	na	26.2%	1,704	8.80
MCC	HNX	13,500	67.31	10,883	8,355	1,937	1,048	-23.2%	-45.9%	2,336	5.78
MCF	HNX	14,400	115.20	80,034	87,279	2,522	2,480	9.1%	-1.7%	1,603	8.99
MCO	HNX	1,900	7.80	6,045	1,671	68	25	-72.4%	-63.2%	20	95.84
MCP	HOSE	27,500	413.95	81,053	81,069	5,592	8,161	0.0%	45.9%	1,447	19.01
MDC	HNX	5,800	124.23	402,056	313,759	5,166	2,224	-22.0%	-56.9%	1,030	5.63
MDG	HOSE	12,700	131.12	44,848	55,332	1,337	383	23.4%	-71.4%	595	21.36
MEC	HNX	2,400	20.05	30,746	42,179	309	-465	37.2%		-655	-3.66
MES	UPCOM	10,000	0.00	12,624	3,001	106	-1,037	-76.2%		14	0.00
MHC	HOSE	6,050	198.05	9,243	18,801	40,527	5,998	103.4%	-85.2%	1,845	3.28
MHL	HNX	6,300	30.29	113,199	86,116	2,932	1,056	-23.9%	-64.0%	1,260	5.00
MIM	HNX	2,900	9.89	10,437	22,866	-770	2,132	119.1%	376.9%	431	6.73
MKV	HNX	14,400	72.00	13,753	22,725	-1,443	-896	65.2%		520	27.70
MNC	HNX	5,600	51.96	168,550	187,634	3,070	3,044	11.3%	-0.8%	707	7.92
MPT	HNX	5,100	79.32	22,937	37,083	2,647	2,842	61.7%	7.4%	501	10.18
MCH	UPCOM	63,000	34,087.06	2,399,552	1,998,835	328,586	119,568	-16.7%	-63.6%	5,165	12.26
MSN	HOSE	45,800	52,132.41	8,768,626	8,539,865	253,342	237,043	-2.6%	-6.4%	2,472	18.53
MSR	UPCOM	15,800	11,052.69	806,183	1,175,891	11,207	43,626	45.9%	289.3%	153	102.90
MST	HNX	10,000	180.00	42,098	18,907	2,220	625	-55.1%	-71.8%	449	22.28
MWG	HOSE	167,000	25,700.52	9,627,014	15,586,037	417,791	557,814	61.9%	33.5%	10,730	15.56
NAF	HOSE	28,900	867.00	74,750	63,238	4,533	3,055	-15.4%	-32.6%	1,626	17.77
NAG	HNX	5,400	80.19	69,862	122,084	2,283	3,278	74.8%	43.6%	762	7.08
NAP	UPCOM	11,400	245.30	39,275	37,649	4,070	3,464	-4.1%	-14.9%	923	12.35

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
NAV	HOSE	8,600	68.80	23,756	28,858	-1,239	-2,164	21.5%		-1,511	-5.69
NBB	HOSE	21,200	1,353.59	10,547	9,562	1,418	31,830	-9.3%	2144.7%	667	31.80
NBC	HNX	6,400	236.79	321,536	299,867	5,504	5,954	-6.7%	8.2%	1,046	6.12
NCT	HOSE	86,000	2,250.25	180,717	169,071	76,572	66,178	-6.4%	-13.6%	10,330	8.32
ND2	UPCOM	16,500	685.24	65,828	51,091	96	-15,099	-22.4%		1,909	8.64
NDF	HNX	2,800	21.99	9,456	8,573	-79	391	-9.3%	594.9%	-960	-2.92
NDN	HNX	8,100	321.06	55,191	36,303	1,809	11,788	-34.2%	551.6%	1,068	7.58
NDX	HNX	11,800	57.35	26,665	29,264	2,368	3,591	9.7%	51.6%	1,874	6.30
NET	HNX	30,200	676.43	177,598	258,363	18,916	18,689	45.5%	-1.2%	3,708	8.14
NFC	HNX	17,000	267.43	157,395	174,212	6,410	6,800	10.7%	6.1%	1,229	13.83
NGC	HNX	9,900	19.80	55,692	47,826	531	109	-14.1%	-79.5%	1,560	6.35
NHA	HNX	10,300	119.48	40,157	17,586	4,119	3,931	-56.2%	-4.6%	1,409	7.31
NHC	HNX	34,000	103.41	27,022	21,312	3,262	1,963	-21.1%	-39.8%	4,275	7.95
NHP	HNX	3,700	102.03	36,138	38,947	1,250	1,702	7.8%	36.2%	272	13.62
NKG	HOSE	41,450	2,737.12	1,798,586	2,392,000	65,891	155,933	33.0%	136.7%	9,850	4.21
NLG	HOSE	28,900	4,107.11	374,748	255,851	41,573	21,104	-31.7%	-49.2%	2,117	13.65
NNC	HOSE	73,200	1,203.42	116,417	127,499	38,073	40,787	9.5%	7.1%	11,094	6.60
PMB	HNX	12,600	151.20	456,456	467,398	10,448	7,388	2.4%	-29.3%	1,723	7.31
NQB	UPCOM	10,000	172.30	13,130	15,852	395	1,143	20.7%	189.4%	196	50.98
NS2	UPCOM	9,400	533.92	75,810	83,463	2,724	2,539	10.1%	-6.8%	212	44.31
NSC	HOSE	101,000	1,543.64	295,977	325,757	37,547	42,138	10.1%	12.2%	11,425	8.84
NST	HNX	10,700	119.86	144,115	132,259	-2,673	-880	-8.2%		1,165	9.19
NT2	HOSE	30,700	8,837.79	1,387,215	1,769,316	318,639	266,362	27.5%	-16.4%	3,804	8.07
NTC	UPCOM	49,000	775.20	27,525	30,803	14,080	19,017	11.9%	35.1%	8,201	5.91
NTL	HOSE	9,670	589.77	36,430	28,730	2,045	2,196	-21.1%	7.4%	1,226	7.89
NTP	HNX	75,600	5,622.17	809,452	1,028,365	83,250	93,618	27.0%	12.5%	5,346	14.14
NVB	HNX	4,400	1,309.75	0	0	8,755	9,331	na	6.6%	36	120.84
OCH	HNX	5,400	1,080.00	178,625	191,766	-15,603	3,422	7.4%	121.9%	-733	-7.37
OGC	HOSE	1,190	357.00	184,962	203,315	9,772	4,579	9.9%	-53.1%	-2,194	-0.54
ONE	HNX	6,500	47.04	112,493	44,022	2,084	619	-60.9%	-70.3%	1,337	4.86
OPC	HOSE	45,500	1,151.68	201,004	281,509	20,870	23,724	40.1%	13.7%	3,086	14.74
PAC	HOSE	36,300	1,686.92	542,532	691,757	21,903	20,817	27.5%	-5.0%	2,618	13.86
PAN	HOSE	42,000	4,298.38	630,050	535,694	116,251	38,128	-15.0%	-67.2%	2,544	16.51
PBP	HNX	13,400	54.69	32,814	40,027	3,333	3,986	22.0%	19.6%	2,256	5.94
PC1	HOSE	37,800	2,844.92	652,209	567,071	106,437	57,734	-13.1%	-45.8%	4,503	8.40
PCG	HNX	8,500	160.40	147,094	95,524	-565	106	-35.1%	118.8%	8	1,012.78
PDB	HNX	19,500	157.95	67,357	85,212	6,435	3,029	26.5%	-52.9%	3,481	5.60
PDN	HOSE	68,400	844.60	86,427	112,900	13,983	18,280	30.6%	30.7%	5,344	12.80
PDR	HOSE	24,300	4,903.98	99,038	204,738	25,220	44,759	106.7%	77.5%	1,202	20.22
PEN	HNX	8,700	43.50	63,801	29,418	3,162	612	-53.9%	-80.6%	1,442	6.03
PET	HOSE	10,600	917.96	2,318,098	2,339,274	42,797	41,791	0.9%	-2.4%	1,664	6.37
PFL	UPCOM	1,700	80.00	18,986	24,016	103	132	26.5%	28.2%	20	81.99
PGC	HOSE	13,850	835.70	582,043	727,222	18,149	28,608	24.9%	57.6%	1,708	8.11
PGD	HOSE	43,500	3,914.92	889,468	1,479,216	82,354	30,631	66.3%	-62.8%	2,438	17.85
PGI	HOSE	23,400	1,660.80	0	0	25,147	32,359	na	28.7%	1,447	16.17
PGS	HNX	19,000	949.98	1,229,020	1,650,428	184,612	24,722	34.3%	-86.6%	6,834	2.78
PGT	HNX	3,000	27.72	2,404	2,967	-1,355	-3,105	23.4%		-638	-4.70
PHC	HNX	13,200	145.20	179,339	406,252	2,881	6,011	126.5%	108.6%	1,339	9.86
PHH	UPCOM	13,100	241.09	189,725	23,786	3,916	-547	-87.5%		787	16.92
PHP	HNX	15,600	5,100.58	542,603	563,219	126,081	106,812	3.8%	-15.3%	1,410	11.07
PHR	HOSE	24,900	1,954.40	179,604	412,309	35,889	65,868	129.6%	83.5%	2,787	8.94
PIC	HNX	13,000	378.91	12,728	26,699	7,126	17,970	109.8%	152.2%	877	14.82
PIS	UPCOM	6,100	167.74	120,049	136,163	8,695	7,280	13.4%	-16.3%	1,361	4.48
PIT	HOSE	7,150	101.60	686,817	589,472	2,008	2,459	-14.2%	22.5%	553	12.93
PIV	HNX	15,800	260.70	31,883	167,841	860	80	426.4%	-90.7%	803	19.69

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
PJC	HNX	26,500	155.33	176,299	230,563	3,888	4,874	30.8%	25.4%	3,125	8.48
PJT	HOSE	11,900	182.79	98,584	117,326	7,160	8,771	19.0%	22.5%	2,746	4.33
PLC	HNX	28,500	2,302.73	1,170,965	1,145,083	39,166	48,289	-2.2%	23.3%	2,535	11.24
PMP	HNX	17,300	72.66	46,907	92,539	1,949	2,643	97.3%	35.6%	2,464	7.02
PMS	HNX	30,900	222.53	160,343	150,448	4,563	7,614	-6.2%	66.9%	4,607	6.71
PNJ	HOSE	80,600	7,920.87	2,330,022	3,130,971	123,802	248,739	34.4%	100.9%	4,584	17.58
POM	HOSE	16,300	3,036.97	2,188,091	2,738,721	30,389	204,300	25.2%	572.3%	1,616	10.09
PPC	HOSE	16,900	5,376.81	1,706,722	1,475,691	-157,282	142,163	-13.5%	190.4%	1,724	9.80
PPE	HNX	12,700	25.40	863	0	10	-665	-100.0%		-2,385	-5.33
PPP	HNX	13,300	79.80	29,658	34,694	1,860	1,046	17.0%	-43.8%	1,396	9.52
PPS	HNX	11,300	169.50	213,664	39,995	1,409	1,473	-81.3%	4.5%	1,714	6.59
PRC	HNX	18,100	21.72	31,060	33,831	588	1,785	8.9%	203.6%	2,556	7.08
PSB	UPCOM	4,800	240.00	26,212	11,034	-1,282	100	-57.9%	107.8%	19	247.62
PSC	HNX	16,000	115.20	92,720	106,840	3,295	3,607	15.2%	9.5%	1,915	8.36
PSE	HNX	11,500	143.75	492,102	442,127	3,371	3,398	-10.2%	0.8%	1,868	6.16
PSI	HNX	4,900	293.22	18,841	15,178	765	-1,971	-19.4%		84	58.51
PTB	HOSE	126,000	2,721.67	806,307	922,996	53,776	57,038	14.5%	6.1%	13,047	9.66
PTE	UPCOM	2,000	24.26	64,039	59,088	-2,856	-4,210	-7.7%		-108	-18.45
PTI	HNX	26,000	2,090.29	0	0	45,684	33,461	na	-26.8%	1,347	19.30
PTS	HNX	6,000	33.41	48,123	58,536	422	1,354	21.6%	220.9%	885	6.78
POS	UPCOM	13,500	535.20	202,575	151,481	4,467	2,240	-25.2%	-49.9%	1,422	9.41
DAT	HOSE	21,700	826.77	125,812	212,339	4,255	5,447	68.8%	28.0%	641	33.86
PV2	HNX	1,700	62.68	4,688	5,429	985	687	15.8%	-30.3%	-1,225	-1.39
PVB	HNX	10,000	216.00	1,462	47,013	-18,310	-5,604	3115.7%		-2,499	-4.00
PVC	HNX	7,700	385.00	462,960	565,056	211	-16,986	22.1%		-1,007	-7.64
PCE	HNX	16,300	163.00	510,571	479,014	4,941	6,596	-6.2%	33.5%	2,517	6.48
PVD	HOSE	18,950	7,255.01	1,577,364	502,992	56,159	-200,871	-68.1%		337	56.15
PCN	HNX	2,900	11.38	66,017	9,936	24	-2,651	-84.9%		-837	-3.46
PVE	HNX	7,200	180.00	239,923	242,286	4,752	5,977	1.0%	25.8%	1,186	6.07
PSW	HNX	13,800	234.60	482,414	533,127	4,479	5,894	10.5%	31.6%	1,654	8.34
PVG	HNX	7,400	205.13	600,962	896,740	5,249	3,105	49.2%	-40.8%	22	337.26
PVI	HNX	29,200	6,496.63	0	0	86,356	101,294	na	17.3%	2,424	12.05
PVL	HNX	2,800	140.00	68	68	-3,046	-2,123	0.0%		132	21.21
PPY	HNX	17,400	143.38	312,235	419,569	3,579	4,813	34.4%	34.5%	2,626	6.63
PVR	HNX	2,500	129.77	0	156	-789	-421	na		-229	-10.91
PVS	HNX	16,600	7,415.23	4,442,622	3,374,559	282,898	255,793	-24.0%	-9.6%	2,325	7.14
PVT	HOSE	13,100	3,686.87	1,533,691	1,652,047	74,245	106,974	7.7%	44.1%	1,477	8.87
PVV	HNX	1,400	42.00	24,163	33,053	-9,900	-9,992	36.8%		-1,366	-1.02
PVX	HNX	2,100	839.99	2,279,887	622,398	419	2,941	-72.7%	601.9%	190	11.06
PXA	HNX	1,400	21.00	7,025	1,248	27	-1,981	-82.2%		-1,335	-1.05
PXI	HOSE	2,940	88.20	105,050	70,399	514	-11,008	-33.0%		-484	-6.07
PXL	UPCOM	2,000	157.72	1,266	4,415	1,623	2,120	248.7%	30.6%	194	9.85
PXM	UPCOM	300	4.65	1,750	507	-7,690	-3,396	-71.0%		-4,441	-0.07
PXS	HOSE	10,100	606.00	625,391	343,626	34,032	20,174	-45.1%	-40.7%	1,467	6.88
PXT	HOSE	3,640	72.80	150,374	70,481	12,529	3,754	-53.1%	-70.0%	1,546	2.35
QHD	HNX	34,200	188.95	76,279	57,754	11,145	1,166	-24.3%	-89.5%	5,951	5.75
QNS	UPCOM	122,800	22,980.42	1,707,261	1,831,204	214,596	222,162	7.3%	3.5%	7,575	16.18
QST	HNX	12,600	20.41	6,357	6,958	-1,237	-1,199	9.5%		1,813	6.95
QTC	HNX	26,000	70.20	29,679	33,170	1,279	2,342	11.8%	83.1%	3,173	8.19
RAL	HOSE	107,000	1,230.50	813,117	878,717	27,880	48,053	8.1%	72.4%	12,787	8.37
RCL	HNX	25,000	188.97	5,219	34,895	4,304	3,430	568.6%	-20.3%	1,792	13.95
RDP	HOSE	14,100	398.83	252,965	220,385	16,863	5,189	-12.9%	-69.2%	2,155	6.54
REE	HOSE	25,700	7,968.31	552,914	1,088,316	98,750	330,771	96.8%	235.0%	3,499	7.34
RIC	HOSE	8,100	569.99	35,137	64,946	-38,906	-21,930	84.8%		-264	-30.72
S55	HNX	37,500	187.20	82,161	62,984	11,123	8,343	-23.3%	-25.0%	8,274	4.53

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
S74	HNX	6,700	43.42	45,092	66,158	-2,453	2,281	46.7%	193.0%	-2,413	-2.78
S99	HNX	5,000	194.25	35,989	46,993	3,347	-378	30.6%		392	12.75
SAF	HNX	53,000	419.66	235,302	236,788	8,222	8,379	0.6%	1.9%	3,772	14.05
SAM	HOSE	9,080	1,636.54	423,902	418,600	-3,032	29,089	-1.3%	1059.4%	138	65.77
SAP	HNX	16,100	20.72	3,367	2,489	31	3	-26.1%	-90.3%	-390	-41.24
SAV	HOSE	11,450	127.73	150,655	127,598	1,323	2,732	-15.3%	106.5%	249	46.04
SBA	HOSE	13,000	783.75	22,583	83,049	-2,496	36,100	267.8%	1546.3%	1,065	12.21
SAB	HOSE	201,500	129,218.16	7,130,670	7,478,134	948,924	1,126,781	4.9%	18.7%	6,983	28.86
SBT	HOSE	24,500	6,203.11	1,240,476	1,137,951	46,215	83,474	-8.3%	80.6%	1,211	20.23
SC5	HOSE	26,750	400.81	369,574	200,989	9,627	9,514	-45.6%	-1.2%	2,798	9.56
SCD	HOSE	43,000	364.54	93,713	98,410	7,641	3,124	5.0%	-59.1%	3,537	12.16
SCI	HNX	8,300	83.00	33,353	92,160	921	1,438	176.3%	56.1%	403	20.60
SCJ	HNX	1,800	35.13	53,800	53,867	-5,157	-15,663	0.1%		-102	-17.59
SCR	HOSE	8,730	1,989.74	26,148	276,001	5,909	6,484	955.5%	9.7%	761	11.47
SD2	HNX	6,800	98.08	140,197	114,929	2,806	850	-18.0%	-69.7%	594	11.46
SD4	HNX	10,500	108.15	154,272	182,971	5,024	5,782	18.6%	15.1%	2,428	4.32
SD6	HNX	9,000	312.94	113,259	190,889	6,620	9,019	68.5%	36.2%	1,397	6.44
SD7	HNX	4,200	44.52	95,774	5,754	-4,918	-1,940	-94.0%		-20,354	-0.21
SD9	HNX	7,600	260.18	105,391	179,162	8,538	8,604	70.0%	0.8%	979	7.76
SDA	HNX	2,900	76.00	7,489	9,391	1,406	1,723	25.4%	22.5%	-1,375	-2.11
SDC	HNX	14,500	37.84	14,155	13,862	630	582	-2.1%	-7.6%	1,351	10.73
SDD	HNX	2,300	36.82	19,836	5,706	35	29	-71.2%	-17.1%	4	576.48
SDG	HNX	33,600	218.40	75,788	61,325	3,564	9,417	-19.1%	164.2%	2,260	14.87
SDN	HNX	35,500	53.90	32,591	34,330	1,880	2,410	5.3%	28.2%	4,986	7.12
SDP	HNX	6,100	67.80	71,990	41,914	287	-2,605	-41.8%		473	12.90
SDT	HNX	8,800	376.04	241,427	223,771	3,137	5,091	-7.3%	62.3%	1,920	4.58
SDY	HNX	7,700	34.65	17,027	2	627	-1,166	-100.0%		-2,425	-3.18
SEB	HNX	29,000	580.00	53,952	100,575	22,431	54,595	86.4%	143.4%	3,899	7.44
SED	HNX	18,400	184.00	48,269	64,979	935	3,987	34.6%	326.4%	3,445	5.34
SFC	HOSE	28,000	314.57	254,636	349,685	8,457	12,180	37.3%	44.0%	3,844	7.28
SFG	HOSE	13,400	641.82	431,008	443,431	17,708	21,637	2.9%	22.2%	1,891	7.09
SFN	HNX	29,800	85.35	35,020	37,609	3,188	3,209	7.4%	0.7%	3,837	7.77
SGC	HNX	47,300	338.08	64,780	75,468	6,094	8,505	16.5%	39.6%	4,005	11.81
SGD	HNX	10,000	40.43	12,317	17,789	236	60	44.4%	-74.6%	1,049	9.53
SGH	HNX	37,000	457.47	9,051	9,422	1,307	2,558	4.1%	95.7%	1,601	23.12
SGO	HNX	1,400	28.00	58,909	7,251	253	-164	-87.7%		84	16.66
SGR	UPCOM	64,000	1,267.79	25,587	58,009	1,090	12,435	126.7%	1040.8%	13,779	4.65
SGT	HOSE	5,140	380.37	93,505	302,082	3,964	69,087	223.1%	1642.9%	689	7.46
SHA	HOSE	8,810	177.61	128,249	228,612	7,870	8,204	78.3%	4.2%	2,027	4.35
SHB	HNX	7,500	8,393.95	0	0	244,346	245,042	na	0.3%	880	8.52
SHI	HOSE	7,850	474.72	466,383	684,687	19,817	30,227	46.8%	52.5%	1,873	4.19
SHN	HNX	10,000	1,175.58	116,911	104,411	8,288	7,012	-10.7%	-15.4%	1,863	5.37
SHP	HOSE	20,900	1,958.54	36,134	76,483	-54,326	-12,143	111.7%		1,046	19.97
SHS	HNX	8,100	810.00	96,785	153,829	12,146	45,160	58.9%	271.8%	866	9.35
SIC	HNX	6,200	99.20	14,047	14,760	-2,206	73	5.1%	103.3%	2,902	2.14
SII	HOSE	23,550	1,374.61	26,531	29,151	-2,235	-9,525	9.9%		574	41.05
SJ1	HNX	17,800	186.09	125,721	184,320	3,203	7,895	46.6%	146.5%	2,066	8.61
SJD	HOSE	28,200	1,297.18	47,408	65,961	15,010	24,787	39.1%	65.1%	3,164	8.91
SJS	HOSE	29,400	2,911.83	15,872	10,324	14,995	2,426	-35.0%	-83.8%	1,807	16.27
SKG	HOSE	73,000	2,501.80	86,764	89,695	54,024	44,230	3.4%	-18.1%	6,213	11.75
SLS	HNX	153,000	1,248.48	267,214	298,056	47,695	93,156	11.5%	95.3%	16,793	9.11
SMA	HOSE	8,000	128.96	115,742	65,536	-1,589	-109	-43.4%		300	26.69
SMC	HOSE	21,800	643.35	1,989,625	2,821,486	58,019	106,300	41.8%	83.2%	12,277	1.78
SMT	HNX	20,700	113.18	67,811	56,578	3,193	1,557	-16.6%	-51.2%	2,812	7.36
SMN	HNX	9,200	40.53	15,748	12,998	-534	-514	-17.5%		1,947	4.73

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
SPI	HNX	2,300	38.67	28,016	9,164	6,962	127	-67.3%	-98.2%	85	27.01
ISH	UPCOM	11,000	495.00	13,714	29,247	-16,286	-4,854	113.3%		440	24.99
SPP	HNX	21,500	280.37	183,829	240,817	1,452	2,054	31.0%	41.5%	1,581	13.60
SRA	HNX	13,000	26.00	0	2,686	2	390	na	19400.0%	1,385	9.38
SRC	HOSE	17,100	479.88	198,950	211,148	17,169	12,569	6.1%	-26.8%	2,361	7.24
S4A	HOSE	18,500	780.70	28,145	46,821	-3,415	14,672	66.4%	529.6%	1,646	11.24
SSC	HOSE	60,500	903.32	93,652	99,830	8,145	8,066	6.6%	-1.0%	2,390	25.32
SSI	HOSE	22,250	10,899.06	440,427	545,187	191,807	294,619	23.8%	53.6%	1,708	13.03
SSM	HNX	19,000	94.00	5,500	24,201	605	527	340.0%	-12.9%	2,275	8.35
ST8	HOSE	34,500	682.60	317,580	360,811	4,264	-997	13.6%		2,634	13.10
STB	HOSE	11,600	20,922.38	0	0	161,948	210,538	na	30.0%	207	56.17
STC	HNX	28,900	163.73	31,060	34,011	1,554	1,484	9.5%	-4.5%	2,184	13.23
STG	HOSE	28,100	2,400.80	191,025	320,469	17,361	338,780	67.8%	1851.4%	1,669	16.83
STP	HNX	5,200	41.71	69,698	71,708	2,636	1,022	2.9%	-61.2%	610	8.53
STT	HOSE	8,370	66.96	10,575	9,196	-2,338	-9,091	-13.0%		-656	-12.76
SVC	HOSE	49,000	1,223.80	2,731,157	3,149,750	18,192	20,563	15.3%	13.0%	4,885	10.03
SVI	HOSE	43,800	561.00	322,223	342,415	15,514	16,306	6.3%	5.1%	5,829	7.51
SVN	HNX	2,900	60.90	30,635	0	5,730	-305	-100.0%		142	20.42
SVT	HOSE	9,430	99.27	5,174	5,523	-540	743	6.7%	237.6%	81	116.86
SWC	UPCOM	20,900	1,378.91	49,336	42,883	22,361	438,814	-13.1%	1862.4%	936	21.97
SZL	HOSE	34,200	622.13	50,924	69,192	12,804	19,626	35.9%	53.3%	5,657	6.05
TA9	HNX	21,500	237.57	456,792	199,134	17,751	3,520	-56.4%	-80.2%	3,773	5.70
TAC	HOSE	63,000	2,032.78	978,223	974,945	20,733	31,774	-0.3%	53.3%	2,075	30.36
TAG	HNX	35,500	880.84	1,146,816	1,134,439	9,100	6,866	-1.1%	-24.5%	867	40.94
TBC	HOSE	24,000	1,524.00	62,467	74,359	30,094	38,216	19.0%	27.0%	1,735	13.83
TBX	HNX	10,000	15.10	17,813	15,323	161	101	-14.0%	-37.3%	473	21.15
TC6	HNX	4,600	149.48	907,775	763,708	4,034	3,598	-15.9%	-10.8%	29	157.69
TCL	HOSE	30,000	628.32	178,428	189,960	17,839	18,139	6.5%	1.7%	4,504	6.66
TCM	HOSE	21,900	1,075.28	739,465	775,703	22,065	47,676	4.9%	116.1%	2,323	9.43
TCO	HOSE	10,000	177.11	35,734	39,208	4,011	3,981	9.7%	-0.7%	1,505	6.64
TCR	HOSE	4,260	193.51	371,222	274,358	10,745	-30,993	-26.1%		652	6.54
TCS	HNX	4,600	123.50	999,849	1,011,945	2,232	1,472	1.2%	-34.1%	45	102.05
TCT	HOSE	56,800	726.36	90,003	99,888	56,309	60,947	11.0%	8.2%	5,408	10.50
TDC	HOSE	7,160	716.00	201,669	178,524	-23,669	-14,666	-11.5%		1,220	5.87
TDS	UPCOM	13,000	158.93	449,912	433,579	5,888	16,171	-3.6%	174.6%	2,850	4.56
TDW	HOSE	23,500	199.75	143,842	161,265	-3,320	2,044	12.1%	161.6%	1,721	13.65
TEG	HNX	7,300	109.50	34,982	34,982	5,988	5,988	0.0%	0.0%	2,111	3.46
TET	HNX	28,000	159.68	10,757	9,141	2,332	3,893	-15.0%	66.9%	635	44.11
TH1	HNX	7,000	94.77	72,097	79,077	-15,620	29,100	9.7%	286.3%	-9,878	-0.71
THG	HOSE	54,200	650.39	134,106	171,323	12,778	25,067	27.8%	96.2%	7,683	7.05
THS	HNX	8,400	22.68	63,384	77,015	-19	170	21.5%	994.7%	1,858	4.52
THT	HNX	6,800	167.07	555,400	497,789	3,530	2,131	-10.4%	-39.6%	993	6.84
TIC	HOSE	13,200	294.14	2,854	5,789	3	2,627	102.8%	87466.7%	1,317	10.03
TIE	HOSE	11,500	110.05	44,730	6,829	212	-5,022	-84.7%		778	14.79
TTH	HNX	9,000	117.00	26,002	58,519	16,103	915	125.1%	-94.3%	4,620	1.95
TIG	HNX	3,700	272.19	34,536	44,340	16,852	9,383	28.4%	-44.3%	627	5.90
TIP	HOSE	16,000	416.05	50,153	28,033	13,077	8,994	-44.1%	-31.2%	2,406	6.65
TIX	HOSE	33,000	792.00	31,681	343,680	15,462	60,011	984.8%	288.1%	2,821	11.70
TJC	HNX	8,600	73.96	42,646	44,944	3,797	31	5.4%	-99.2%	1,331	6.46
TKU	HNX	12,200	366.43	154,412	168,237	-8,700	19,825	9.0%	327.9%	3,057	3.99
TLG	HOSE	105,900	4,057.31	428,909	536,465	48,331	54,440	25.1%	12.6%	6,265	16.90
TLH	HOSE	13,600	1,131.32	1,008,456	1,048,737	103,876	109,838	4.0%	5.7%	5,493	2.48
MBS	HNX	5,900	720.53	87,457	154,288	11,136	7,703	76.4%	-30.8%	136	43.27
TMC	HNX	14,500	179.80	447,555	497,883	4,222	4,260	11.2%	0.9%	1,780	8.15
TMP	HOSE	28,000	1,960.00	59,417	133,083	-1,658	46,399	124.0%	2898.5%	1,481	18.91

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
TMS	HOSE	58,500	2,021.44	132,976	177,785	39,872	50,601	33.7%	26.9%	5,597	10.45
TMT	HOSE	13,300	490.48	744,425	569,873	17,829	-12,222	-23.4%		1,297	10.25
TMX	HNX	11,500	69.00	203,996	297,158	2,102	2,190	45.7%	4.2%	1,542	7.46
TNA	HOSE	55,900	545.57	846,093	928,850	30,081	38,504	9.8%	28.0%	11,457	4.88
TNC	HOSE	12,000	231.00	14,508	9,956	1,235	2,410	-31.4%	95.1%	1,171	10.25
TND	UPCOM	8,000	128.00	559,009	571,007	227	4,769	2.1%	2000.9%	5,856	1.37
TNG	HNX	13,000	445.44	357,963	401,620	14,059	14,516	12.2%	3.3%	2,468	5.27
TNT	HOSE	2,420	61.71	21,408	25,159	545	1,659	17.5%	204.4%	60	40.42
TPC	HOSE	9,200	195.67	151,394	140,511	1,805	6,897	-7.2%	282.1%	1,000	9.20
TPH	HNX	7,200	13.66	5,475	4,508	0	0	-17.7%		565	12.74
TRA	HOSE	115,600	3,993.10	494,325	402,049	50,258	41,422	-18.7%	-17.6%	6,097	18.96
TRC	HOSE	28,900	841.71	52,239	85,813	8,509	34,465	64.3%	305.0%	2,390	12.09
TS4	HOSE	8,200	131.62	223,088	235,384	3,159	4,370	5.5%	38.3%	-414	-19.81
TSB	HNX	10,500	70.83	50,527	39,217	1,039	956	-22.4%	-8.0%	859	12.22
TST	HNX	5,600	26.88	16,804	57,299	-1,895	-4,336	241.0%		880	6.36
TTC	HNX	18,200	108.12	90,417	80,494	6,099	4,651	-11.0%	-23.7%	3,567	5.10
TTZ	HNX	2,900	20.30	30,182	13,251	2,216	1,137	-56.1%	-48.7%	669	4.34
TV2	HNX	230,000	1,172.72	160,670	354,088	4,145	8,358	120.4%	101.6%	19,667	11.69
TV3	HNX	30,300	122.93	67,281	71,801	1,693	2,163	6.7%	27.8%	3,425	8.85
TV4	HNX	15,200	220.93	30,261	34,926	2,078	2,555	15.4%	23.0%	1,780	8.54
TVC	HNX	12,500	461.11	11,323	8,772	5,112	7,963	-22.5%	55.8%	1,397	8.95
TVS	HOSE	8,900	439.29	33,292	103,627	18,490	52,632	211.3%	184.7%	1,388	6.41
TXM	HNX	10,100	70.70	111,021	133,601	668	2,107	20.3%	215.4%	1,452	6.96
TYA	HOSE	11,000	337.49	293,360	333,169	19,884	12,465	13.6%	-37.3%	1,590	6.92
UDJ	UPCOM	8,500	124.19	0	4,981	-507	850	na	267.7%	423	20.07
UIC	HOSE	28,900	231.20	469,435	497,047	8,705	25,256	5.9%	190.1%	5,423	5.33
UNI	HNX	4,200	64.33	6,777	2,646	123	-135	-61.0%		43	98.73
V12	HNX	11,000	64.00	69,552	79,745	1,438	1,159	14.7%	-19.4%	1,344	8.18
V21	HNX	12,500	150.00	19,527	15,886	22	259	-18.6%	1077.3%	207	60.45
VAF	HOSE	14,200	534.85	396,837	419,027	20,049	20,058	5.6%	0.0%	1,180	12.04
VBC	HNX	74,000	222.00	171,287	171,712	7,523	4,825	0.2%	-35.9%	8,812	8.40
VBH	HNX	20,900	60.61	22,365	14,655	-2,303	558	-34.5%	124.2%	-2,334	-8.95
VC2	HNX	16,900	253.50	118,772	505,556	526	10,890	325.7%	1970.3%	1,064	15.88
VC3	HNX	30,800	874.09	65,580	177,285	8,443	20,065	170.3%	137.7%	2,653	11.61
VC6	HNX	8,500	68.00	121,635	125,239	371	387	3.0%	4.3%	946	8.99
VC7	HNX	22,600	248.59	58,077	57,623	3,096	10,084	-0.8%	225.7%	1,547	14.61
VC9	HNX	9,300	108.77	161,505	238,546	1,142	2,250	47.7%	97.0%	1,187	7.84
VCA	UPCOM	11,300	167.21	389,548	398,070	4,119	16,819	2.2%	308.3%	2,006	5.49
VCB	HOSE	35,900	129,159.89	0	0	1,836,686	2,206,007	na	20.1%	1,899	18.91
VCF	HOSE	170,000	4,518.45	444,139	419,405	-2,066	-37,049	-5.6%		14,450	11.76
VCG	HNX	15,100	6,669.83	1,238,926	2,041,080	76,763	114,345	64.7%	49.0%	1,095	13.79
VCM	HNX	23,600	70.80	17,889	26,256	1,294	1,364	46.8%	5.4%	3,853	6.12
VCR	HNX	2,400	84.58	1,164	0	-1,538	-4,112	-100.0%		213	11.26
VCS	HNX	150,900	9,054.00	713,936	1,130,994	143,195	176,356	58.4%	23.2%	10,197	14.80
VDL	HNX	36,400	533.52	78,240	93,572	3,571	3,792	19.6%	6.2%	1,403	25.95
VDS	HNX	10,200	714.00	40,185	60,384	10,780	24,202	50.3%	124.5%	704	14.48
VE1	HNX	9,900	29.02	7,270	1,297	35	-1,801	-82.2%		-1,455	-6.81
VE2	HNX	11,600	24.34	5,606	4,269	755	453	-23.8%	-40.0%	1,261	9.20
VE3	HNX	13,200	17.42	2,263	3,986	109	198	76.1%	81.7%	2,000	6.60
VE4	HNX	13,900	14.29	3,463	13,226	263	457	281.9%	73.8%	2,815	4.94
VE8	HNX	12,100	21.78	6,860	23,913	123	127	248.6%	3.3%	1,626	7.44
VE9	HNX	6,300	78.90	24,372	8,343	-2,356	165	-65.8%	107.0%	67	94.42
VFG	HOSE	75,000	1,371.26	495,154	472,728	27,808	25,720	-4.5%	-7.5%	8,065	9.30
VFR	HNX	10,000	150.00	62,081	58,718	932	25,608	-5.4%	2647.6%	-1,278	-7.82
VGC	HNX	16,000	4,912.00	1,923,076	2,028,647	85,094	176,588	5.5%	107.5%	1,820	8.79

Mã CK	Sàn	Giá	Vốn hóa (tỷ VND)	Doanh thu Q1.2016 (triệu VND)	Doanh thu Q1.2017 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2016 (triệu VND)	Lợi nhuận Q1.2017 (triệu VND)	Tăng trưởng DT	Tăng trưởng LN	EPS	PE
VGP	HNX	23,200	181.56	11,403	9,195	2,549	1,187	-19.4%	-53.4%	1,904	12.19
VGS	HNX	12,400	466.24	1,160,402	1,392,450	24,433	13,385	20.0%	-45.2%	2,238	5.54
VHC	HOSE	54,300	5,011.99	1,600,841	1,616,839	101,217	97,239	1.0%	-3.9%	6,139	8.85
VHL	HNX	68,000	1,088.00	410,806	479,788	24,669	30,080	16.8%	21.9%	6,835	9.95
VIB	UPCOM	19,900	11,215.43	0	0	110,902	125,709	na	13.4%	900	22.07
VIC	HOSE	41,500	109,464.88	14,736,856	15,791,343	778,651	914,859	7.2%	17.5%	893	46.48
VID	HOSE	5,350	136.55	6,839	96,893	687	95,486	1316.8%	13799.0%	638	8.39
MBG	HNX	3,900	81.12	61,564	56,054	2,970	871	-9.0%	-70.7%	1,044	3.74
VIE	HNX	3,800	5.93	1,629	877	-182	-603	-46.2%		-2,190	-1.73
VJC	HOSE	131,400	42,361.79	6,590,042	5,106,696	544,833	376,456	-22.5%	-30.9%	8,359	15.72
VLC	UPCOM	16,500	1,041.17	605,963	662,465	26,327	27,016	9.3%	2.6%	1,810	9.12
VGT	UPCOM	11,900	5,990.00	3,285,271	3,894,698	100,093	75,398	18.6%	-24.7%	650	18.44
VIP	HOSE	7,310	500.52	129,309	178,349	15,594	14,315	37.9%	-8.2%	1,216	6.01
VIS	HOSE	23,500	1,156.68	659,908	1,491,699	21,816	32,077	126.0%	47.0%	1,480	15.88
VIT	HNX	29,900	448.49	195,783	178,833	3,706	6,805	-8.7%	83.6%	3,824	7.82
VKC	HNX	12,200	244.00	300,035	260,828	10,028	3,783	-13.1%	-62.3%	2,519	4.84
VLA	HNX	11,500	12.42	1,501	1,337	231	334	-10.9%	44.6%	1,503	7.65
VMC	HNX	40,500	405.00	322,129	289,889	7,293	5,029	-10.0%	-31.0%	2,855	14.19
ABC	UPCOM	33,000	660.40	1,542,524	2,115,272	16,312	3,320	37.1%	-79.6%	4,043	8.01
VMI	HNX	5,300	58.03	42,040	30,114	2,780	2,033	-28.4%	-26.9%	1,382	3.83
VNA	UPCOM	900	18.00	155,417	130,974	-8,473	-29,146	-15.7%		-4,931	-0.18
VNC	HNX	36,000	377.98	98,102	105,394	7,171	8,465	7.4%	18.0%	2,874	12.53
VND	HNX	14,900	2,160.47	107,736	379,014	28,401	222,819	251.8%	684.5%	1,269	11.74
VNE	HOSE	8,900	790.62	175,221	137,278	-15,386	3,735	-21.7%	124.3%	113	78.67
VNL	HOSE	23,950	215.55	154,540	188,462	4,501	6,013	22.0%	33.6%	2,590	9.25
VNM	HOSE	145,400	211,034.27	10,332,909	12,049,369	2,157,189	2,935,068	16.6%	36.1%	6,464	22.49
VNR	HNX	23,300	3,054.07	0	0	50,440	60,687	na	20.3%	1,829	12.74
VNS	HOSE	23,900	1,621.83	1,134,428	1,093,236	69,296	54,668	-3.6%	-21.1%	4,582	5.22
VSA	HNX	26,000	302.90	164,487	193,232	5,240	3,420	17.5%	-34.7%	3,839	6.77
VPH	HOSE	10,800	572.22	51,960	20,941	17,153	6,594	-59.7%	-61.6%	1,533	7.04
VPK	HOSE	13,300	106.40	47,550	37,334	2,012	-7,066	-21.5%		209	63.58
VPA	UPCOM	4,000	60.30	35,365	30,440	5,431	47	-13.9%	-99.1%	1,389	2.88
VRC	HOSE	22,850	331.43	764	1,185	-282	27	55.1%	109.6%	164	139.40
VRG	UPCOM	3,700	95.81	1,309	1,760	-1,451	188	34.5%	113.0%	-161	-22.93
VSC	HOSE	59,000	2,687.87	224,953	269,560	46,671	45,371	19.8%	-2.8%	5,516	10.70
VSH	HOSE	16,100	3,320.48	105,427	192,588	63,068	124,314	82.7%	97.1%	1,271	12.66
VSI	HOSE	14,900	196.68	62,801	37,425	4,456	3,497	-40.4%	-21.5%	2,317	6.43
VTB	HOSE	14,700	158.83	67,493	230,899	674	3,959	242.1%	487.4%	1,452	10.12
VTC	HNX	9,100	41.22	14,621	55,832	-1,528	-1,382	281.9%		1,682	5.41
VGG	UPCOM	64,400	2,825.49	1,513,924	1,511,926	76,752	80,169	-0.1%	4.5%	9,645	6.64
VTH	HNX	11,700	58.50	39,527	78,059	1,778	738	97.5%	-58.5%	1,236	9.47
VTL	HNX	12,400	50.22	-3,439	29,844	839	3,035	-967.8%	261.7%	3,318	3.74
VTO	HOSE	8,000	630.93	295,890	337,936	31,120	21,212	14.2%	-31.8%	1,103	7.26
VTS	HNX	10,100	20.20	11,252	9,393	-242	351	-16.5%	245.0%	362	27.92
DLT	UPCOM	13,700	34.25	209,085	268,777	558	1,975	28.5%	253.9%	3,987	3.44
VTV	HNX	19,000	592.80	723,281	881,423	12,139	45,006	21.9%	270.8%	1,855	10.24
VTX	UPCOM	14,800	310.39	75,053	53,835	4,543	9,637	-28.3%	112.1%	2,330	6.35
CLH	HNX	13,900	139.00	149,341	129,001	7,265	5,617	-13.6%	-22.7%	2,826	4.92
VXB	HNX	11,700	47.37	38,419	33,942	554	437	-11.7%	-21.1%	1,555	7.52
WCS	HNX	180,000	450.00	29,423	31,152	13,679	15,953	5.9%	16.6%	22,389	8.04
WSS	HNX	4,200	211.26	11,406	8,183	11,874	4,862	-28.3%	-59.1%	89	47.45

Tin giao dịch nội bộ, cổ tức

Giao dịch cổ đông nội bộ

06/05/2017 Bà Đặng Huỳnh Ức My muốn mua thêm 3 triệu cổ phiếu SBT

05/05/2017 Pyn Elite đã thoái toàn bộ vốn khỏi FIT ngay phiên đầu trong chuỗi tăng trần liên tiếp

05/05/2017 BCG: Bà Hoàng Thị Minh Châu - KT trưởng đã mua 100.000 cp

05/05/2017 SDH: Cổ đông lớn ASEAN Deep Value Fund đã mua 450.600 cp

05/05/2017 SDA: Bà Nguyễn Thị Minh Thu - Phó Tổng Giám đốc đăng ký bán 1.300.100 CP

05/05/2017 HDA: Cổ đông lớn Nguyễn Xuân Trường đã bán 1.043.000 cp, không còn là CĐL từ 28.4.2017

05/05/2017 APS: Cổ đông lớn ASEAN Deep Value Fund đã mua 677.200 cp

05/05/2017 CII: Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm - Phó TGĐ đã bán 940.000 cp

05/05/2017 IDV: Ông Phùng Văn Quý - Ủy viên HĐQT đã bán 30.000 CP

05/05/2017 API: Asean Deep Value Fund đã mua 285.000 CP

Trả cổ tức

07/05/2017 Công ty CMC (CVT) chốt quyền nhận cổ tức bằng tiền và cổ phiếu tổng tỷ lệ 50%

05/05/2017 CPC: 5.6.2017, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)

05/05/2017 HAD: 12.5.2017, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)

05/05/2017 CSC: 11.5.2017, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)

05/05/2017 DPC: 12.5.2017, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)

05/05/2017 NKG: 17.5.2017, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015 và 2016 (tỷ lệ 100:50)

05/05/2017 VE4: 18.5.2017, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)

05/05/2017 TVD: 18.5.2017, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng tiền mặt (300 đ/cp)

Giao dịch CP quỹ - tăng vốn

05/05/2017 SBV: 16.5.2017, ngày giao dịch đầu tiên 20.540.000 cp

05/05/2017 QNC: Chấp thuận niêm yết bổ sung 6.730.000 cổ phiếu

05/05/2017 DAR: Ngày 11/05/2017, giao dịch đầu tiên 6.500.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch

05/05/2017 TTS: Ngày 17/05/2017, giao dịch đầu tiên 50.800.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch

05/05/2017 VCS: Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức

05/05/2017 VMD: Đã phát hành 3.500.000 cp riêng lẻ

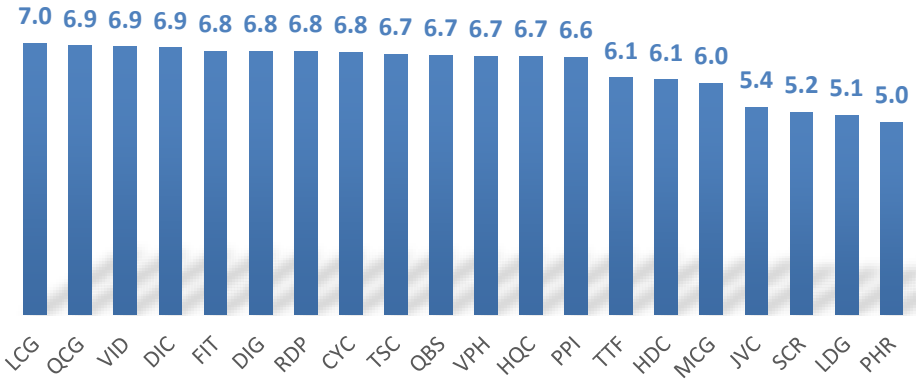
05/05/2017 VMD: Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 15.440.268 cp

04/05/2017 CVT: Công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016

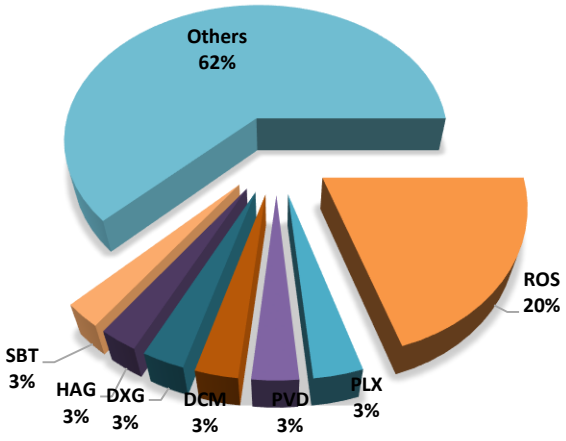
04/05/2017 SMC: Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 41.999.243 cp

Thống kê cổ phiếu tăng giá

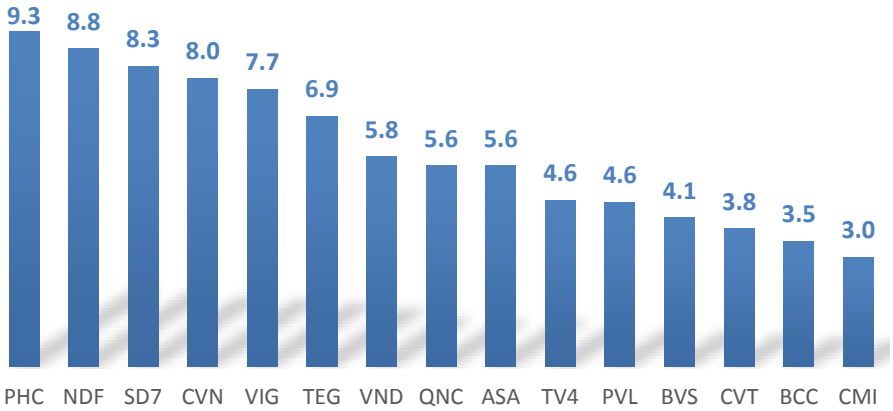
Top CP tăng giá-HOSE



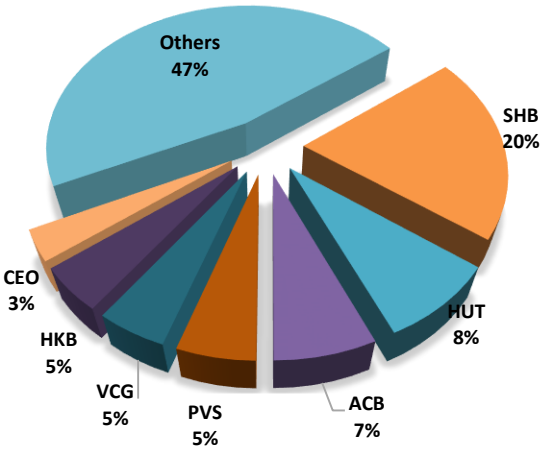
Top giá trị giao dịch HOSE



Top CP tăng giá-HNX



Top giá trị giao dịch HNX



Chúng tôi chỉ sử dụng trong báo cáo này những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư. Tài liệu này sẽ không được coi là một hình thức chào bán hoặc lôi kéo khách hàng đầu tư vào bất kì cổ phiếu nào. Công ty SBS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. SBS sẽ không chịu trách nhiệm với bất kì thông tin nào không nằm trong phạm vi báo cáo này. Nhà đầu tư phải cân nhắc kĩ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và SBS hoàn toàn không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó. Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp và sẽ không được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, nghiêm cấm bất kì sự sao chép và phân phối lại đối với tài liệu này.

Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Thương Tín (Hội sở)

278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3 TP HCM Việt Nam
Tel: +84 (8) 6268 6868 Fax: +84 (8) 6255 5957 www.sbsc.com.vn

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Tel: +84 (8) 6268 6868 (Ext: 8769)
Email: *sbs.research@sbsc.com.vn*

Chi nhánh Hà Nội	**Chi nhánh Sài Gòn**
Tầng 6-7, 88 Lý Thường Kiệt Quận Hoàn Kiếm Hà Nội Việt Nam	Lầu 6 - số 177-179-181 Nguyễn Thái Học, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1,TP.HCM
Điện thoại: +84 (4) 3942 8076	Điện thoại: (08) 38 38 65 65
Fax: +84 (8) 3942 8075	Fax: (08) 38 38 64 16